

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiễn Khanh & Nguyễn Hiển Trần Tiễn Huyền

Phiên Âm Thu Oct 2 20:05:25 2008

=====

No. 1476

No. 1476

佛說優婆塞五戒相經一卷

Phật thuyết ưu-bà-tắc ngũ giới tướng Kinh nhất quyển

[Phật nói Kinh Năm Giới Tướng của Ưu-Bà-Tắc\(cư-sĩ tại-gia\), một quyển.](#)

宋元嘉年求那跋摩譯

tổng nguyên gia niên cầu na bạt ma dịch

Đời Tống năm Nguyên Gia, Ngài Cầu-Na-Bạt-Ma chuyển từ Phạn sang Hán văn.

[Toronto, Canada tháng Tư 2018 Quảng-Lượng, Lý-Hồng-Nhật chuyển ngữ sang Việt-văn.](#)

聞如是。一時佛在迦維羅衛國。

Văn như thị 。 nhất thời Phật tại Ca duy La vệ quốc 。

[\(A-Nan\) nghe như vậy: một thuở đức Phật Thích-Ca ở tại nước Ca-Tỳ-La-Vệ](#)

爾時淨飯王來詣佛所頭面禮足合掌恭敬。而白佛言。

nhĩ thời Tịnh Phạn Vương lai nghệ Phật sở đầu diện lễ túc hợp chưởng cung kính 。

nhĩ bạch Phật ngôn 。

[Lúc bấy giờ vua Tịnh-Phạn đến chỗ Phật, đánh lễ rồi chấp tay thưa rằng:](#)

欲所請求以自濟度。唯願世尊。哀酬我志。

duy sở thỉnh cầu dĩ tự tế độ 。 duy nguyện Thế Tôn 。 ai thù ngã chí 。

Với lòng mong cầu muốn tự độ, nay xin đức Thế-Tôn thương xót đáp lại lòng mong ước của Tôi.

佛言。可得之願隨王所求。王白佛言。世尊。

Phật ngôn 。 khả đắc chi nguyện tùy Vương sở cầu 。 Vương bạch Phật ngôn 。 Thế Tôn 。

Phật nói: theo chỗ mong cầu, nhà Vua sẽ được như nguyện. Vua thưa với Phật: Thế-Tôn.

已為比丘比丘尼沙彌沙彌尼制戒輕重。

dĩ vi Tỳ-kheo Tỳ-kheo-ni sa di sa di ni chế giới khinh trọng 。

đã vì chư Tỳ-Kheo, Tỳ-Khoe-Ni, Sa-Di và Sa-Di-Ni mà đặt thành ra giới nặng và nhẹ

唯願如來。亦為我等優婆塞分別五戒。

duy nguyện Như Lai 。 diệc vi ngã đẳng ưu-bà-tắc phân biệt ngũ giới 。

Nay xin đức Như-lai cũng vì hàng Ưu-Bà-Tắc(cư-sĩ tại-gia) mà nói rõ về Năm giới.

可悔不可悔者。令識戒相使無疑惑。佛言。善哉善哉。憍曇。

khả hối bất khả hối giả 。 lệnh thức giới tướng sử vô nghi hoặc 。

Phật ngôn 。

Thiện tai thiện tai 。

kiều đàm 。

(tội) có thể hối-cải hay **không thể hối-cải(như cây dừa bị gảy ngọn)**; khiến cho giới tướng không có sự nghi ngờ. Phật nói: Lành thay, lành thay, nhưn đây mà nói.

我本心念。久欲與優婆塞分別五戒。

ngã bản tâm niệm 。

cửu duy dĩ ưu-bà-tắc phân biệt ngũ giới 。

Ta(Phật) thường nghĩ, từ lâu đã muốn nói rõ về Năm-Giới của Ưu-Bà-Tắc.

若有善男子。受持不犯者。以是因緣當成佛道。

nhược hữu Thiện nam tử 。 thọ trì bất phạm giả 。 dĩ thị nhân duyên đương thành Phật đạo 。

Nếu có người đê-tử Tại-Gia nào, giữ-gìn không trái-phạm thì do duyên-lành này chắc-chắn sẽ thành Phật-quả.

若有犯而不悔。常在三塗故。

nhược hữu phạm nhi bất hối 。 thường tại tam đồ cố 。

Nếu người phạm-tội mà không biết hối-cải thì thường sanh nơi ba đường khổ(Địa-ngục, Quỷ-đới, Súc-vật).

爾時佛為淨飯王種種說已。王聞法竟。前禮佛足遶佛而去。

nhĩ thời Phật vì Tịnh Phạn Vương chủng chủng thuyết dĩ 。

Wang văn Pháp cánh 。

tiền lễ Phật túc nhiều Phật nhi khứ 。

Lúc bấy giờ Phật vì vua Tịnh-Phạn hỏi mà nói Kinh này. Nhà vua sau khi nghe Phật nói Kinh này xong, đảnh-lễ, đi kinh-hành quanh Phật rồi mới lui ra.

佛以是因緣告諸比丘。

Phật dĩ thị nhân duyên cáo chư Tỳ-kheo 。

Đức Thích-Ca nhân đây mà nói với các vị Tỳ-Kheo.

我今欲為諸優婆塞說犯戒輕重可悔不可悔者。諸比丘僉曰。唯然。

ngã kim dục vì chư ưu-bà-tắc thuyết phạm giới khinh trọng khả hối bất khả hối giả 。

chư Tỳ-kheo thiêm viết 。

duy nhiên 。

Nay đức Phật vì hàng Ưu-Bà-Tắc mà nói về việc phạm giới nặng, nhẹ, có thể hối-cải hay không thể hối cải. Các vị Tỳ-Kheo đều nói: dạ đúng

願樂欲聞。佛告諸比丘。犯殺有三種奪人命。

nguyên lạc dục văn 。 Phật cáo chư Tỳ-kheo 。 phạm sát hữu tam chủng đoạt nhân mạng 。

rất vui mừng được nghe. Phật bảo các Tỳ-Kheo. Chỗ phạm giới Giết-hại có ba loại cướp đoạt mạng sống của người.

一者自作。二者教人。三者遣使。自作者。

nhất giả tự tác 。 nhị giả giáo nhân 。 tam giả khiển sử 。 tự tác giả 。

Một là tự mình làm; Hai là dạy cho người khác làm; Ba là sai khiến người khác làm.(1)Tự mình làm.

自身作奪他命。教人者。教語他人言。

tự thân tác đoạt tha mạng 。 giáo nhân giả 。 giáo ngữ tha nhân ngôn 。

là tự tay mình cướp mạng-sống người khác.(2)Dạy người khác làm: dùng lời nói chỉ bày cho người khác.

捉是人繫縛奪命。遣使者。語他人言。汝識某甲不。

tróc thị nhân hệ phược đoạt mạng 。 khiển sử giả 。 ngữ tha nhân ngôn 。 nhữ thức mỗ giáp bắt 。

bắt người này ra sức để đoạt mạng. (3) Sai khiến người khác là nói với người kia rằng: Người nên biết là ta không thể tự tay làm.

汝捉是人繫縛奪命。是使隨語奪彼命時。

nhữ tróc thị nhân hệ phược đoạt mạng 。 thị sử tùy ngữ đoạt bỉ mạng thời 。

người nên bắt người này mà đoạt mạng; như đây mà sai người khác đoạt mạng.

優婆塞犯不可悔罪。復有三種奪人命。一者用內色。

ưu-bà-tắc phạm bất khả hối tội 。 phục hữu tam chủng đoạt nhân mạng 。 nhất giả dụng nội sắc 。

Ưu-Bà-Tắc này phạm-tội không thể hối-cải(giảm trừ/tha-thứ). Lại có Ba trường hợp cướp mạng sống người. Một là dùng chính tay chân của mình.

二者用非內色。三者用內非內色。內色者。

nhị giả dụng phi nội sắc 。 tam giả dụng nội phi nội sắc 。 nội sắc giả 。

Hai là dùng vật ngoài thân(cây/đá)... Ba là dùng thân/sức mình cùng với vật ngoài thân.(1) dùng sức/thân mình.

優婆塞用手打他。若用足及餘身分。作如是念。

ưu-bà-tắc dụng thủ đả tha 。 nhược dụng túc cập dư thân phần 。 tác như thị niệm 。

Ưu-Bà-Tắc dùng tay đánh người hoặc chân hoặc các bộ phận khác và suy nghĩ như vậy:

令彼因死。彼因死者。是犯不可悔罪。若不即死。

lệnh bỉ nhân tử 。 bỉ nhân tử giả 。 thị phạm bất khả hối tội 。 nhược bất tức tử 。

muốn người kia phải chết! Nếu người kia chết thật thì phạm tội không thể hối cải; nếu không chết liền tại chỗ.

後因是死。亦犯不可悔。若不即死。後不因死。

hậu nhân thị tử 。 diệc phạm bất khả hối 。 nhược bất tức tử 。 hậu bất nhân tử 。

sau đó người kia mới chết, cũng phạm tội không thể hối cải. Nếu người kia không chết liền; mà sau đó cũng không chết.

是中罪可悔。用不內色者。

thị trung tội khả hối 。 dụng bất nội sắc giả 。

thì phạm tội bậc trung có thể hối cải.(2) không dùng sức/thân mình.

若人以木瓦石刀稍弓箭白鐵段鉛錫段。遙擲彼人。作是念。

nhược nhân dĩ mộc ngõa thạch đao sáo cung tiễn bạch lạp giả duyên tích giả 。 dao trích bỉ nhân 。 tác thị niệm 。

nếu dùng cây, ngói, đá, đao, giáo, cung tên, đèn cầy.v.v...dùng những vật này, từ xa ném phan tới người kia và nghĩ như vậy:

令彼因死。彼因死者犯不可悔罪。

lệnh bỉ nhân tử 。 bỉ nhân tử giả phạm bất khả hối tội 。

muốn cho người kia chết. Nếu người kia chết thì phạm-tội không thể hối-cải.

若不即死後因是死。亦犯不可悔。若不即死後不因死。

nhược bất tức tử hậu nhân thị tử 。 diệc phạm bất khả hối 。 nhược bất tức tử hậu bất nhân tử 。

nếu người kia không chết liền, mà sau đó mới chết, cũng phạm tội không thể hối cải. Nếu không chết liền mà sau đó cũng không chết.

是中罪可悔。用內非內色者。

thị trung tội khả hối 。

thì phạm tội bậc trung có thể hối cải.(3)Dùng sức/thân cùng với vật bên ngoài thân là:

若以手捉木瓦石刀稍弓箭白鐵段鉛錫段木段打他。作如是念。

nhược dĩ thủ tróc mộc ngõa thạch đao sáo cung tiến bạch lạp giả duyên tích giả mộc giả đả tha 。

Nếu dùng tay cầm cây, ngói, đá, đao, giáo, cung tên, đèn cầy.v.v...tay dùng những vật này đánh (trực tiếp)lên người và nghĩ như vậy:

令彼因死。彼因死者是罪不可悔。

lệnh bỉ nhân tử 。 bỉ nhân tử giả thị tội bất khả hối 。

muốn người kia chết. nếu người kia chết ngay, thì phạm-tội không thể hối-cải.

若不即死後因是死。亦犯不可悔。若不即死後不因死。

nhược bất tức tử hậu nhân thị tử 。 diệc phạm bất khả hối 。 nhược bất tức tử hậu bất nhân tử 。

nếu không chết ngay, mà sau đó mới chết thì cũng phạm tội không thể hối cải. Nếu không chết ngay mà sau đó cũng không chết.

是中罪可悔。復有不以內色。不以非內色。

thị trung tội khả hối 。 phục hữu bất dĩ nội sắc 。 bất dĩ phi nội sắc 。

thì phạm-tội bậc trung có thể hối-cải. Lại nữa không dùng sức/thân cũng không dùng vật ngoài thân là:

亦不以內非內色。為殺人故合諸毒藥。

diệc bất dĩ nội phi nội sắc 。 vi sát nhân cố hợp chư độc dược 。

cũng không dùng sức/thân cũng không dùng vật ngoài thân là cướp mạng người bằng thuốc độc.

若著眼耳鼻身上瘡中。

nhược trước nhãn nhĩ tỳ thân thương sang trung 。

Nếu như mắt, lỗ tai, lỗ mũi phần trên của thân thể bị thương.

若著諸食中若被褥中車輿中。作如是念。令彼因死。

nhược trước chư thực trung nhược bị nhục trung xa dư trung 。 tác như thị niệm 。 lệnh bỉ nhân tử 。

Nếu như đầu độc trong thức ăn, nệm trên xe, rồi nghĩ như vậy: muốn cho người kia chết.

彼因死者犯不可悔罪。若不即死後因是死。亦犯不可悔罪。

bỉ nhân tử giả phạm bất khả hối tội 。 nhược bất tức tử hậu nhân thị tử 。 diệc phạm bất khả hối tội 。

Nếu người kia chết thì phạm-tội không thể hối-cải. Nếu người kia không chết liền mà sau đó mới chết, cũng phạm-tội không thể hối-cải.

若不即死後不因死。是中罪可悔。

nhược bất tức tử hậu bất nhân tử 。 thị trung tội khả hối 。

Nếu người kia không chết liền mà sau đó cũng không chết, thì phạm-tội bậc-trung có thể hối-cải.

復有作無烟火坑殺他。核殺弼殺。作穿殺。觸殺。毘陀羅殺。

phục hữ tác vô yên hỏa khanh sát tha 。 hạch sát, cương sát 。 tác tình sát 。 xúc sát 。 tỳ đà la sát 。

Lại dùng khói độc, lửa, hầm-hố để giết hại: đuổi giết, bẫy giết, đào hầm bẫy giết, húc/đâm giết, khiến quỷ dữ giết.

墮胎殺。按腹殺。推著火中水中。推著坑中殺。

đọa thai sát 。 án phước sát 。 thôi trước hỏa trung thủy trung 。 thôi trước khanh trung sát 。

Phá thai giết, đập bụng giết, đẩy vào lửa vào nước giết, đẩy xuống hố sâu giết.

若遣令去就道中死。乃至胎中初受二根。

nhược khiển lệnh khứ tựu đạo trung tử 。 nãi chí thai trung sơ thọ nhị căn 。

Nếu ra lệnh như trên đều vẫn đến chết; cho đến bào thai mới có hai căn.

身根命根。於中起方便殺。無烟火坑殺者。

thân căn mạng căn 。 ư trung khởi phương tiện sát 。 vô yên hỏa khanh sát giả 。

thân-căn và mạng-căn, từ đây mà thực-hành việc giết-hại, như khói độc, lửa, hầm-hố mà giết.

若優婆塞知是人從此道來。

nhược ưu-bà-tắc tri thị nhân tông thử đạo lai 。

Nếu Ưu-Bà-Tắc biết có người từ đường kia đến.

於中先作無烟火坑以沙土覆上。

ư trung tiên tác vô yên hỏa khanh dĩ sa độ phước thượng 。

Ở nơi đường kia phóng khói độc,lửa, đào hầm rồi phủ cát lên trên.

若口說以是人從此道來故我作此坑。若是人因是死者。是犯不可悔罪。

nhược khẩu thuyết dĩ thị nhân tông thử đạo lai cố ngã tác thử khanh 。

nhược thị nhân nhân
thị tử giả 。

thị phạm bất khả hối tội 。

Nếu nói với người kia theo đường này mà đến, vì tôi đã đào hầm bẫy rồi. Nếu người kia vì nguyên-nhân này mà chết, thì phạm-tội không thể hối-cải.

若不即死後因。是死犯不可悔罪。

nhược bất tức tử hậu nhân tử 。

thị tử phạm bất khả hối tội 。

Nếu người kia không chết ngay mà sau đó mới chết thì phạm-tội không thể hối-cải.

若不即死後不因死。是中罪可悔。為人作無烟火坑。

nhược bất tức tử hậu bất nhân tử 。

thị trung tội khả hối 。

vì nhân tác vô yên hỏa khanh 。

Nếu người kia không chết ngay mà sau đó cũng không chết thì phạm-tội bậc-trung có thể hối-cải. Vì người nào đó mà phóng khói độc, lửa và đào hầm.

人死者不可悔。非人死者是中罪可悔。

nhân tử giả bất khả hối 。

phi nhân tử giả thị trung tội khả hối 。

Nếu người kia chết thì phạm-tội không thể hối-cải. Nếu không có người nào chết thì phạm-tội bậc-trung có thể hối-cải.

畜生死者下罪可悔。為非人作坑。

súc sanh tử giả hạ tội khả hối 。 vì phi nhân tác khanh 。

Nếu thú-vật chết thì phạm-tội có thể hối-cải. Nếu không phải vì người mà đào hầm.

非人死者是中罪可悔。人死是下罪可悔。畜生死者犯下可悔罪。

phi nhân tử giả thị trung tội khả hối 。 nhân tử thị hạ tội khả hối 。 súc sanh tử giả phạm hạ khả hối tội 。

không có người chết thì phạm-tội bậc-trung có thể hối-cải. Nếu có người và thú-vật vì đó mà chết thì phạm-tội có thể hối-cải.

若為畜生作坑。畜生死者是下罪可悔。

nhược vì súc sanh tác khanh 。 súc sanh tử giả thị hạ tội khả hối 。

Nếu vì thú-vật mà đào hầm, nếu thú-vật chết thì phạm-tội nhẹ có thể hối-cải.

若人墮死若非人墮死。皆犯下罪可悔。

nhược nhân đọa tử nhược phi nhân đọa tử 。 giai phạm hạ tội khả hối 。

Nếu có người hoặc không phải là người vì đó mà chết thì phạm-tội nhẹ có thể hối-cải.

若優婆塞不定為一事作坑。諸有來者皆令墮死。

nhược ưu-bà-tắc bất định vi nhất sự tác khanh 。 chư hữu lai giả giai lệnh đọa tử 。

Nếu Ưu-Bà-Tắc không có chủ ý mà đào hầm; nếu có bạn hữu đến chơi mà vì đó chết.

人死者犯不可悔。非人死者中罪可悔。

nhân tử giả phạm bất khả hối 。 phi nhân tử giả trung tội khả hối 。

Nếu có người vì đó mà chết thì phạm-tội không thể hối-cải. Nếu không có người chết thì phạm-tội bậc-trung có thể hối-cải.

畜生死者下罪可悔。都無死者犯三方便可悔罪。

súc sanh tử giả hạ tội khả hối 。 đô vô tử giả phạm tam phương tiện khả hối tội 。

Nếu có thú-vật vì đó mà chết thì phạm-tội nhẹ có thể hối-cải. Nếu không có người hay thú-vật chết thì phạm "Tam-Phương-Tiện" tội có thể hối-cải.

是名無烟火坑殺也。毘陀羅者。

thị danh vô yên hỏa khanh sát dã 。 tỷ đà la giả 。

Đây gọi là dùng khói-độc, lửa, hầm mà giết-hại. Dùng ác quỷ(Tỳ-đà-la) giết hại.

若優婆塞以二十九日。求全身死人。召鬼呪尸令起。

nhược ưu-bà-tắc dĩ nhị thập cửu nhật 。 cầu toàn thân tử nhân 。 triệu quỷ chú thi lệnh khởi 。

Nếu có Ưu-Bà-Tắc dùng hai mươi chín ngày, mong cho người kia chết, trì chú mời gọi ác-quỷ đến giết-hại.

水洗著衣令手捉刀。若心念口說。我為某甲故。

thủy tẩy trước y lệnh thủ tróc đao 。 nhược tâm niệm khẩu thuyết 。 ngã vi mỗ giáp cố 。

mặc đao bào, vẩy nước, tay cầm đao, nếu tâm nghĩ miệng nói: ta vì người kia.

作此毘陀羅。即讀呪術。若所欲害人死者。

tác thử tỷ đà la 。 tức độc chú thuật 。 nhược sở dục hại nhân tử giả 。

làm phép triệu ác-quỷ liền độc thần-chú. Nếu muốn hại cho người kia chết.

犯不可悔。若前人入諸三昧。或天神所護。

phạm bất khả hối 。 nhược tiền nhân nhập chư tam muội 。 hoặc thiên thần sở hộ 。

phạm-tội không thể hối-cải. Nếu người bị hại kia đã vào được Định hoặc được thiên-thần hỗ-trợ.

或大呪師所救解。不成害犯中可悔。

hoặc Đại chú sư sở cứu giải 。 bất thành hại phạm trung khả hối 。

hoặc được thầy giỏi giải-cứu. Nên việc Ưu-Bà-Tắc muốn hại không thành, thì Ưu-Bà-tắc phạm-tội bậc-trung có thể hối-cải.

是名毘陀羅殺也。半毘陀羅者。若優婆塞二十九日作鐵車。

thị danh tỳ đà la sát dã 。 bán tỳ đà la giả 。 nhược ưu-bà-tắc nhị thập cửu nhật tác thiết xa 。

Nên đây gọi là triệu ác-quỷ hại. Dùng nửa phần bùa-chú. Nếu có Ưu-Bà-Tắc trong hai mươi chín ngày làm xe sắt.

作鐵車已作鐵人。

tác thiết xa dĩ tác thiết nhân 。

làm xe sắt cùng với người sắt.

召鬼呪鐵人令起水洗著衣令鐵人手捉刀。若心念口說。

triệu quỷ chú thiết nhân lệnh khởi thủy tẩy trước y lệnh thiết nhân thủ tróc đao 。 nhược tâm niệm khẩu thuyết 。

độc chú triệu ác-quỷ, sai khiến người sắt mặc áo bào, vẩy nước, cầm đao. Nếu (Ưu-Bà-Tắc) tâm nghĩ miệng nói.

我為某甲讀是呪。若是人死者犯不可悔罪。

ngã vi mỗ giáp độc thị chú 。 nhược thị nhân tử giả phạm bất khả hối tội 。

Tôi vì người kia mà độc chú này, nếu người kia vì đây mà chết thì phạm-tội không thể hối-cải.

若前人入諸三昧。諸天神所護。若呪師所救解不成死者。

nhược tiền nhân nhập chư tam muội 。 chư thiên thần sở hộ 。 nhược chú sư sở cứu giải
bất thành tử giả 。

Nếu người kia trước đã vào Định hoặc được chư thiên-thần bảo-vệ hoặc được thầy giỏi giải nạn nên
không chết.

是中罪可悔是。名半毘陀羅殺。斷命者。

thị trung tội khả hối thị 。 danh bán tỷ đà la sát 。 đoạn mạng giả 。

thì Ưu-Bà-Tắc phạm-tội bậc-trung có thể hối-cải. Đây gọi là dùng nửa phần quý để đoạt mạng.

二十九日牛屎塗地。以酒食著中。

nhị thập cửu nhật ngưu thỉ đồ địa 。 dĩ tửu thực trước trung 。

trong hai mươi chín ngày dùng phân trâu trải đất, đem rượu thức ăn bày ra.

然火已尋便著水中。若心念口說讀呪術言如火水中滅。

nhiên hỏa dĩ tầm tiện trước thủy trung 。 nhược tâm niệm khẩu thuyết độc chú thuật ngôn
như hỏa thủy trung diệt 。

nhưng lửa đã tìm thấy trong nước; nếu tâm nghĩ miệng đọc ác chú thuật, như lửa trong nước tắt.

若火滅時彼命隨滅。又復二十九日。

nhược hỏa diệt thời bỉ mạng tùy diệt 。 hựu phục nhị thập cửu nhật 。

nếu khi lửa tắt thì mạng người kia cũng theo đây mà mất. Lập lại hai mươi chín ngày.

牛屎塗地酒食著中。畫作所欲殺人像。

ngưu thỉ đồ địa tửu thực trước trung 。 họa tác sở dục sát nhân tượng 。

phân trâu trải đất, rượu thức ăn bày ra; họa tượng người cần bị sát hại

作像已尋還撥滅。心念口說。讀呪術言。

tác tượng dĩ tầm hoàn bát diệt 。 tâm niệm khẩu thuyết 。 đọc chú thuật ngôn 。

họa tượng rồi lại đánh cho tan mất; tâm nghĩ miệng nói, đọc chú thuật.

如此像滅彼命亦滅。若像滅時彼命隨滅。又復二十九日。

như thử tượng diệt bỉ mạng diệt diệt 。 nhược tượng diệt thời bỉ mạng tùy diệt 。 hựu phục nhị thập cửu nhật 。

như thế khi tượng tan thì mạng của người kia cũng mất, nếu tượng nát thì mạng người kia theo đó mà diệt. Lập lại hai mươi chín ngày.

牛屎塗地酒食著中。以針刺衣角頭。尋還拔出。

ngưu thi đồ địa tửu thực trước trung 。 dĩ châm thứ y giác đầu 。 tầm hoàn bát xuất 。

phân trâu trải đất, rượu thức ăn bày ra, dùng kim châm đầu hình nhân, châm vào rồi rút ra.

心念口說讀呪術言。如此針出彼命隨出。

tâm niệm khẩu thuyết đọc chú thuật ngôn 。 như thử châm xuất bỉ mạng tùy xuất 。

tâm nghĩ miệng nói, đọc chú thuật; nếu như khi rút châm ra mạng người kia theo đó mất.

是名斷命。若用種種呪死者。犯不可悔罪。

thị danh đoạn mạng 。 nhược dụng chủng chủng chú tử giả 。 phạm bất khả hối tội 。

đây gọi là cắt mạng sống, nếu(Ưu-Bà-Tắc) dùng nhiều loại chú thuật để cắt mạng sống người kia, phạm-tội không thể hối-cải.

若不死者是中罪可悔。又復墮胎者。

nhược bất tử giả thị trung tội khả hối 。 hựu phục đọa thai giả 。

nếu người kia không chết thì phạm-tội bậc trung có thể hối-cải. Lập lại việc phá thai.

與有胎女人吐下藥。及灌一切處藥。

dữ hữu thai nữ nhân thổ hạ dược 。 cập quán nhất thiết xứ dược 。

có người nữ mang thai, từ đất nơi đó mà lấy cây thuốc, cùng với cây thuốc từ các nơi khác.

若針血脈乃至出眼淚藥。作是念。以是因緣令女人死。

nhược châm huyết mạch nãi chí xuất nhãn lệ dược 。 tác thị niệm 。 dĩ thị nhân duyên lệnh nữ nhân tử 。

hoặc châm vào mạch máu cho đến chế thuốc từ nước mắt; tâm nghĩ như vậy: do việc làm này sẽ khiến cho người nữ kia chết.

死者犯不可悔罪。若不即死後因是死。亦犯不可悔罪。

tử giả phạm bất khả hối tội 。 nhược bất tức tử hậu nhân thị tử 。 diệc phạm bất khả hối tội 。

nếu người nữ kia chết thì phạm-tội không thể hối-cải; nếu không chết liền mà sau đó mới chết, cũng phạm-tội không thể hối-cải.

若不即死後不因死。是中罪可悔。

nhược bất tức tử hậu bất nhân tử 。 thị trung tội khả hối 。

nếu không chết ngay mà sau đó cũng không chết thì phạm-tội bậc trung có thể hối-cải.

若為殺母故墮胎。若母死者犯不可悔。

nhược vi sát mẫu cố đọa thai 。 nhược mẫu tử giả phạm bất khả hối 。

nếu vì muốn giết mẹ mà cố ý phá thai; nếu người mẹ vì đó mà chết thì phạm-tội không thể hối-cải.

若胎死者是罪可悔。若俱死者是罪不可悔。

nhược thai tử giả thị tội khả hối 。 nhược câu tử giả thị tội bất khả hối 。

nếu như chỉ có thai nhi chết thì phạm-tội có thể hối-cải; nếu cả hai đều chết thì phạm-tội không thể hối-cải.

若俱不死者是中罪可悔。若為殺胎故作墮胎法。

nhược câu bất tử giả thị trung tội khả hối 。 nhược vi sát thai cố tác đọa thai Pháp 。

nếu cả hai không chết thì phạm-tội bậc trung có thể hối-cải; nếu như muốn phá thai nên cố ý làm hư thai.

若胎死者犯不可悔。若胎不死者是中罪可悔。

nhược thai tử giả phạm bất khả hối 。 nhược thai bất tử giả thị trung tội khả hối 。

nếu như thai nhi chết thì phạm-tội không thể hối-cải; nếu thai nhi không chết thì phạm-tội bậc trung có thể hối-cải.

若母死者是中罪可悔。俱死者是犯不可悔。

nhược mẫu tử giả thị trung tội khả hối 。 câu tử giả thị phạm bất khả hối 。

nếu như chỉ có người mẹ chết thì phạm-tội bậc trung có thể hối-cải; nếu cả hai đều chết thì phạm-tội không thể hối-cải.

是名墮胎殺法。按腹者。使懷妊女人重作。或擔重物。

thị danh đọa thai sát Pháp 。 án phước giả 。 sử hoài nhâm nữ nhân trọng tác 。 hoặc đảm trọng vật 。

đây gọi là cách giết bằng phá thai; bóp bụng người, là sai khiến người nữ làm việc nặng, hoặc mang vác vật nặng.

教使車前走。若令上峻岸。作是念。令女人死。

giáo sử xa tiền tẩu 。 nhược lệnh thượng tuấn ngạn 。 tác thị niệm 。 lệnh nữ nhân tử 。

bảo phải chạy theo xe phía trước, hoặc ra lệnh phải leo lên bờ cao, rồi(Ưu-Bà-Tắc) nghĩ như vậy: khiến cho người nữ kia chết.

死者犯不可悔。若不即死後因是死。

tử giả phạm bất khả hối 。 nhược bắt tức tử hậu nhân thị tử 。

nếu người nữ kia chết thì phạm-tội không thể hối-cải, nếu không chết liền mà sau đó mới chết

是罪不可悔。若不因死者是中罪可悔。

thị tội bất khả hối 。 nhược bắt nhân tử giả thị trung tội khả hối 。

thì cũng phạm-tội không thể hối-cải, nếu không có ai chết thì tội bậc trung có thể hối-cải.

若為胎者如上說。是名按腹殺也。遣令道中死者。

nhược vi thai giả như thượng thuyết 。 thị danh án phước sát dã 。 khiển lệnh đạo trung tử giả 。

nếu vì thai nhi như trên đã nói, thì gọi là ép bụng cho chết vậy. Sai khiến vào đường hiểm cho chết

知是道中有惡獸飢餓。遣令往至惡道中。作如是念。

tri thị đạo trung hữu ác thú cơ nga 。 khiển lệnh vãng chí ác đạo trung 。 tác như thị niệm 。

nếu biết trên đường kia có ác thú đói khác, ra lệnh cho người kia đi vào đường hiểm trên và nghĩ như vậy:

令彼惡道中死。死者犯不可悔。

lệnh bỉ ác đạo trung tử 。

muốn cho người kia chết trên đường hiểm; nếu chết thì phạm-tội không thể hối-cải.

餘者亦犯同如上說。是名惡道中殺。乃至母胎中。

dư giả diệc phạm đồng như thượng thuyết 。 thị danh ác đạo trung sát 。 nãi chí mẫu thai trung 。

ngoài ra thì cũng giống như những phần trên đã nói; đây gọi là dùng đường ác để giết hại; cho đến người mẹ mang thai

初得二根。身根命根。迦羅邏時。

sơ đắc nhị căn 。 thân căn mạng căn 。 Ca la la thời 。

thai nhi mới có hai căn, thân căn và mạng căn, là thời kỳ khởi đầu.

以殺心起方便欲令死。死者犯不可悔。餘犯同如上說。

đĩ sát tâm khởi phương tiện dục lệnh tử 。 tử giả phạm bất khả hối 。 dư phạm đồng như thượng thuyết 。

khí tâm giết hại nổi lên nên tìm mọi cách làm cho người kia phải chết, nếu chết thì phạm-tội không thể hối-cải; những điều khác như trên đã nói.

讚歎殺有三種。一者惡戒人。二者善戒人。

tán tán sát hữu tam chủng 。 nhất giả ác giới nhân 。 nhị giả thiện giới nhân 。

Ca ngợi sự giết hại có ba loại: Một là loại người ác. Hai là loại người hiền.

三者老病人。惡戒人者。殺牛羊養雞猪放鷹捕魚。

tam giả lão bệnh nhân 。 ác giới nhân giả 。 sát ngưu dương dưỡng kê trư phóng ưng bộ ngư 。

Ba là người già, người bệnh.(1) Người ác là người giết trâu, dê, nuôi gà, heo, chim ưng, đánh bắt cá.

獵師圍兔射麋鹿等。偷賊魁膾呪龍守獄。

liệp sư vi thỏ xạ chương lộc đẳng 。 thâu tặc khôi quái chú long thủ ngục 。

săn bắn thỏ, nai.v.v...trộm cắp, đầu đảng cướp, chửi rủa thần thánh, cai ngục.

若到是人所。作如是言。汝等惡戒人。何以久作罪。

nhược đáo thị nhân sở 。 tác như thị ngôn 。 nữ đẳng ác giới nhân 。 hà dĩ cửu tác tội 。

(Ưu-Bà-Tắc) đến chỗ người ác kia mà nói rằng: người là loại người ác đã tạo quá nhiều tội-ác

不如早死。是人因死者是罪不可悔。

bất như tảo tử 。 thị nhân nhân tử giả thị tội bất khả hối 。

sao không chết sớm đi; người ác này do đây mà chết thì(Ưu-Bà-Tắc) phạm tội không thể hối-cải.

若不因死者是中罪可悔。若惡人作如是言。

nhược bất nhân tử giả thị trung tội khả hối 。

nếu không ai chết thì phạm-tội bậc trung có thể hối-cải. Nếu người ác nói rằng:

我不用是人語。不因是死。犯中可悔罪。

ngã bất dụng thị nhân ngữ 。 bất nhân thị tử 。 phạm trung khả hối tội 。

Tôi không nghe lời ông nói, người ác không vì lý do này mà chết, thì phạm-tội bậc trung có thể hối-cải.

若讚歎是人令死。便心悔作是念。何以教是人死。還到語言。

nhược tán thán thị nhân lệnh tử 。 tiện tâm hối tác thị niệm 。

Nếu(UBT) ca ngợi sự chết sớm, do đây khiến người ác chết.(UBT) liền sanh tâm hối-hận mà nghĩ: tại sao ta lại xúi-giục người ác chết sớm; xin rút lại lời đã nói!

汝等惡人。或以善知識因緣故。

nhữ đẳng ác nhân 。

các người là người ác; hoặc là đã có nhân duyên với bậc thiện tri thức.

親近善人得聽善法。能正思惟得離惡罪。汝勿自殺。

thân cận thiện nhân đắc thính thiện Pháp 。 năng chánh tư duy đắc ly ác tội 。 nhữ vật tự sát

gần người hiền nghe được pháp lành, nên chơn chánh mà suy nghĩ sẽ được xa lìa tội ác, các người đừng tự-sát.

若是人受其語不死者。是中罪可悔。善戒人者。

nhược thị nhân thọ kỳ ngữ bất tử giả 。 thị trung tội khả hối 。 thiện giới nhân giả 。

nếu như những người ác nhận lời không tự-sát, thì phạm trung tội có thể hối-cải. Người hiền.

如來四眾是也。若到諸善人所如是言。

Như Lai Tứ Chúng thị dã 。 nhược đáo chư thiện nhân sở như thị ngôn 。

Như là Như-Lai Tứ-Chúng; nếu có(UBT) đến chỗ của các vị hiền này nói như vậy:

汝持善戒有福德人。若死便受天福。何不自奪命。

nhữ trì thiện giới hữu phước đức nhân 。 nhược tử tiện thọ Thiên phước 。 hà bất tự đoạt mạng 。

các vị giữ giới lành là người nhiều phước-đức; nếu các vị chết liền nhận phước báo cõi trời, tại sao không sớm chấm dứt mạng sống(đau-khổ)này!

是人因是自殺死者犯不可悔罪。

thị nhân nhân thị tự sát tử giả phạm bất khả hối tội 。

nếu có người vì lời này mà tự-sát thì(UBT) phạm tội không thể hối-cải.

若不自殺者中罪可悔。若善戒人作是念。

nhược bất tự sát giả trung tội khả hối 。 nhược thiện giới nhân tác thị niệ̃m 。

nếu không ai tự-sát thì(UBT) phạm tội có thể hối-cải, nếu người hiền nghĩ như vậy:

我何以受他語自殺。若不死者是罪可悔。若教他死已。

ngã hà dĩ thọ tha ngữ tự sát 。 nhược bất tử giả thị tội khả hối 。 nhược giáo tha tử dĩ 。

Ta tại sao phải nghe theo lời người khác mà tự sát, nếu người hiền không chết thì(UBT) phạm tội có thể hối-cải. Nếu xúi người khác chết rồi.

心生悔言。我不是。何以教此善人死。還往語言。

tâm sanh hối ngôn 。 ngã bất thị 。 hà dĩ giáo thử thiện nhân tử 。

sanh lòng hối-hận mà nói: tôi không phải nói như vậy! tại-sao phải xúi-giục người hiền chết! xin rút lại lời đã nói!

汝善戒人。隨壽命住。福德益多故。

nhữ thiện giới nhân 。 tùy thọ mạng trụ 。

các vị là người hiền; tùy theo thọ mạng mà sống, phước đức nhiều

受福益多。莫自奪命。若不因死者是中罪可悔。

thọ phước ích đa 。

hưởng phước lộc nhiều, đừng tự đoạt mạng, nếu không ai chết thì(UBT) phạm tội có thể hối-cải.

老病者。四大增減受諸苦惱。往語是人言。

lão bệnh giả 。

Với người có bệnh, tứ-đại thay đổi chịu nhiều khổ-đau,(UBT) đến nói với người đó rằng:

汝云何久忍是苦。何不自奪命。因死者是罪不可悔。

nhữ vân hà cửu nhĩn thị khổ 。 hà bất tự đoạt mạng 。 nhân tử giả thị tội bất khả hối 。
người tại-sao phải chịu đựng các nỗi khổ này, tại-sao không tự mình chấm dứt mạng sống; người kia
nghe theo mà chết thì(UBT) phạm tội không thể hối-cải.

若不因死者是中罪可悔。若病人作是念。

nhược bất nhân tử giả thị trung tội khả hối 。 nhược bệnh nhân tác thị niệm 。
nếu không ai chết thì(UBT) phạm tội có thể hối-cải; nếu người bệnh nghĩ như vậy:

我何緣受是人語自奪命。若語病人已心生悔。

ngã hà duyên thọ thị nhân ngữ tự đoạt mạng 。 nhược ngữ bệnh nhân dĩ tâm sanh hối 。

Ta tại-sao phải nghe theo lời người khác mà tự đoạt mạng. Nếu(UBT) sau khi đã nói với người bệnh xong
liền sanh lòng hối-hận.

我不是。何以語此病人自殺。還往語言。

ngã bất thị 。 hà dĩ ngữ thử bệnh nhân tự sát 。 hoàn vãng ngữ ngôn 。

Tôi không phải nói như vậy: tại-sao lại xúi người bệnh tự-sát? tôi xin rút lại lời đã nói.

汝等病人。或得良藥善看病人隨藥飲食。

nhữ đẳng bệnh nhân 。 hoặc đắc lương dược thiện khán bệnh nhân tùy dược ẩm thực 。

người là người bệnh sẽ gặp thuốc hay trị được bệnh khổ, người bệnh tùy theo thuốc mà ăn uống được.

病可得差莫自奪命。若不因死者是中罪可悔。

bệnh khả đắc sai mạc tự đoạt mạng 。 nhược bất nhân tử giả thị trung tội khả hối 。

bệnh có thể khỏi đừng nên tự-sát, nếu không có ai chết thì(UBT) phạm tội có thể hối-cải.

餘上七種殺。說犯與不犯。同如上火坑。

du thượng thất chủng sát 。 thuyết phạm dữ bất phạm 。 đồng như thượng hỏa khanh 。

Từ trước đã nói về bảy thứ sát hại, nói về những điều phạm và không phạm, cũng giống như ở trên miệng hầm lửa.

若人作人想殺。是罪不可悔。人作非人想殺。

nhược nhân tác nhân tưởng sát 。 thị tội bất khả hối 。 nhân tác phi nhân tưởng sát 。

Nếu có người muốn người khác chết thì phạm tội không thể hối cải. Nếu là người mà cho là không phải người nên muốn giết hại.

人中生疑殺。皆犯不可悔。非人人想殺。

nhân trung sanh nghi sát 。 giai phạm bất khả hối 。 phi nhân nhân tưởng sát 。

người do sanh nghi mà giết hại thì phạm-tội không thể hối-cải, còn không phải là người mà cho là người nên có ý giết hại.

非人中生疑殺是中罪可悔。又一人被截手足。置著城塹中。

phi nhân trung sanh nghi sát thị trung tội khả hối 。 hựu nhất nhân bị tiết thủ túc 。 trí trước thành tiệm trung 。

không phải là người mà do sanh nghi nên sát hại thì phạm-tội có thể hối-cải. Nếu có người bị cắt đứt cả tay chân, đặt ở bên hào trước thành.

又眾女人來入城中。聞是啼哭聲。便往就觀。

hựu chúng nữ nhân lai nhập thành trung 。 văn thị đề khốc thanh 。 tiện vãng tựu quán 。

lúc ấy có nhóm người nữ đi vào thành, nghe được tiếng khóc, liền tựu đến.

共相謂言。若有能與是人藥漿飲。使得時死。

cộng tương vị ngôn 。 nhược hữu năng dữ thị nhân dược tương ẩm 。 sử đắc thời tử 。

Mọi người nói lời khác nhau, có người mang nước ấm đến cho uống và bảo người tàn tật nên chết đi.

則不久受苦。中有愚直女人。便與藥漿即死。

tức bắt cữu thọ khổ 。 trung hữu ngu trực nữ nhân 。 tiên dữ dược tương tức tử 。

thì liền khỏi khổ lâu dài, trong đó có người kém trí, liền lấy độc-dược cho người tàn tật uống để được chết ngay.

諸女言。汝犯戒不可悔。即白佛。佛言。

chư nữ ngôn 。 nhữ phạm giới bất khả hối 。

các người nữ nói, chúng ta phạm-tội không thể hối-cải, liền đến thưa với Phật. Phật dạy:

汝與藥漿時死者。犯戒不可悔。

nhữ dữ dược tương thời tử giả 。

các người đưa thuốc độc cho người uống chết, thì phạm-tội không thể hối-cải.

若居士作方便欲殺母。而殺非母。是中罪可悔。若居士欲殺非母。

nhược Cư-sĩ tác phương tiện dục sát mẫu 。

Nếu có người tại-gia dùng các cách muốn giết mẹ, nhưng người chết lại không phải là mẹ của người ấy, thì phạm trung tội có thể hối-cải. Nếu người tại-gia muốn giết không phải là mẹ mình.

而自殺母。是犯中罪可悔。非逆。

nhị tự sát mẫu 。

nhưng lại làm giết mẹ, thì phạm trung tội có thể hối-cải. Không phải Ngũ-Nghịch-tội.

若居士方便欲殺人。而殺非人。是中罪可悔。

nhược Cư-sĩ phương tiện dục sát nhân 。

Nếu người tại-gia dùng các cách để giết người, nhưng giết nhầm không phải là người, thì phạm trung tội có thể hối-cải

若居士作方便欲殺非人。而殺人者。

nhược Cư-sĩ tác phương tiện dục sát phi nhân 。 nhi sát nhân giả 。

Nếu người tại-gia dùng các cách để giết không phải là người, mà lại giết lầm người.

犯小可悔罪。

phạm tiểu khả hối tội 。

thì phạm tội có thể hối-cải.

若人懷畜生胎。墮此胎者。犯小可悔罪。

nhược nhân hoài súc sanh thai 。

đọa tử thai giả 。

phạm tiểu khả hối tội 。

Nếu có người mà mang thai loài súc sanh, mà làm cho hư thai, thì phạm-tội có thể hối-cải.

若畜生懷人胎者。墮此胎死者。犯不可悔。

nhược súc sanh hoài nhân thai giả 。

đọa tử thai tử giả 。

phạm bất khả hối 。

Nếu là súc sanh mà mang thai người, nếu mà phá thai, thì phạm-tội không thể hối-cải.

若居士作殺人方便。居士先死。後若有死者。

nhược Cư-sĩ tác sát nhân phương tiện 。

Cư-sĩ tiên tử 。

hậu nhược hữu tử giả 。

Nếu Cư-sĩ giết người bằng các cách, mà Cư-sĩ lại chết trước, rồi sau đó người kia mới chết.

是罪犯可悔。若居士欲殺父母。心生疑。

thị tội phạm khả hối 。

nhược Cư-sĩ dục sát phụ mẫu 。

tâm sanh nghi 。

thì phạm-tội có thể hối-cải. Nếu Cư-sĩ muốn giết Cha-Mẹ, mà lòng sanh nghi.

是父母非耶。若定知是父母殺者。

thị phụ mẫu phi da 。 nhược định tri thị phụ mẫu sát giả 。

không biết có phải đúng là Cha-mẹ không? Nếu biết chắc là Cha-Mẹ mà giết hại.

是逆罪不可悔。若居士生疑。是人非人。

thị nghịch tội bất khả hối 。 nhược Cư-sĩ sanh nghi 。 thị nhân phi nhân 。

Đây là(Ngũ-Nghịch tội) không thể hối-cải. Nếu Cư-sĩ lòng sanh nghi, là người hay không phải là người.

若心定知是人殺者。犯不可悔。若人捉賊欲將殺。賊得走去。

nhược tâm định tri thị nhân sát giả 。 phạm bất khả hối 。 nhược nhân tróc tặc dục tướng sát
。 tặc đắc tẩu khứ 。

Nếu đã biết chắc là người mà sát hại thì phạm-tội không thể hối-cải. Nếu đang đuổi theo giặc cướp,
muốn giết kẻ cầm đầu, cướp chạy thoát.

若以官力若聚落力。追逐是賊。

nhược dĩ quan lực nhược tụ lạc lực 。 truy trục thị tặc 。

Nếu dùng thế lực quan, hoặc là sức mạnh xóm làng, để tiếp tục truy đuổi giặc cướp.

若居士逆道來。追者問居士言。汝見賊不。

nhược Cư-sĩ nghịch đạo lai 。 truy giả vấn Cư-sĩ ngôn 。 nhữ kiến tặc bất 。

Nếu có người Cư-sĩ đang đi ngược lại, những người rượt đuổi hỏi Cư-sĩ rằng: Ông có thấy giặc cướp
không?

是居士先於賊有惡心瞋恨。語言。我見在是處。

thị Cư-sĩ tiên ư tặc hữu ác tâm sân hận 。 ngữ ngôn 。 ngã kiến tại thị xứ 。

Nếu Cư-sĩ trước đó đã có ác tâm hay giận dữ, nên nói: Tôi thấy chúng ở chỗ kia.

以是因緣令賊失命者。犯不可悔。若人將眾多賊欲殺。

đĩ thị nhân duyên lệnh tặc thất mạng giả 。 phạm bất khả hối 。 nhược nhân tướng chúng đa tặc dục sát 。

Vì lý do này mà đã khiến cho bọn giặc cướp mất mạng, thì Cư-sĩ phạm-tội không thể hối-cải. Nếu người dẫn đầu cùng nhiều người khác muốn giết.

是賊得走者。若以官力若聚落力追逐。

thị tặc đắc tẩu giả 。 nhược dĩ quan lực nhược tụ lạc lực truy trục 。

nhưng cướp đã chạy thoát, nếu dùng thế quan hay sức mạnh của xóm làng để truy đuổi.

是居士逆道來。追者問居士言。汝見賊不。

thị Cư-sĩ nghịch đạo lai 。 truy giả vấn Cư-sĩ ngôn 。 nhữ kiến tặc bất 。

Có vị Cư-sĩ đi ngược lại, các người rượt đuổi hỏi Cư-sĩ rằng: Có thấy giặc cướp không?

是賊中或有一人。是居士所瞋者言我見在是處。

thị tặc trung hoặc hữu nhất nhân 。 thị Cư-sĩ sở sân giả ngôn ngã kiến tại thị xứ 。

trong bọn cướp có một người làm cho Cư-sĩ giận dữ, nên nói là thấy ở chỗ kia.

若殺非所瞋者。是罪可悔。餘如上說。

nhược sát phi sở sân giả 。 thị tội khả hối 。 dư như thượng thuyết 。

nếu người bị giết, không phải là người đã làm cho Cư-sĩ nổi giận, thì Cư-sĩ phạm tội có thể hối-cải. Những phần khác như trên đã nói.

若居士母想殺非母犯不可悔。非逆罪。若戲笑打他。

nhược Cư-sĩ mẫu tưởng sát phi mẫu phạm bất khả hối 。 phi nghịch tội 。 nhược hí tiếu đả tha 。

Nếu là Mẹ mà Cư-sĩ tưởng là không phải Mẹ nên giết, thì phạm-tội không thể hối-cải. Nhưng không phải Ngũ Nghịch tội. Nếu đánh người làm trò vui.

若死者是罪可悔。若狂不自憶念殺者無罪。

nhược tử giả thị tội khả hối 。 nhược cuồng bất tự ức niệm sát giả vô tội 。

Nếu người kia chết thì phạm-tội có thể hối-cải. Nếu là điên loạn không nhớ biết việc giết người thì không phạm.

若優婆塞用有蟲水及草木中殺蟲。皆犯罪。

nhược ưu-bà-tắc dụng hữu trùng thủy cập thảo mộc trung sát trùng 。 giai phạm tội 。

Nếu Ưu-Bà-Tắc uống nước có trùng, cùng giết trùng trong cây cỏ, đều phạm-tội.

若有蟲無蟲想用亦犯。若無蟲蟲想用者亦犯。

nhược hữu trùng vô trùng tưởng dụng diệc phạm 。 nhược vô trùng trùng tưởng dụng giả diệc phạm 。

Nếu uống nước có trùng mà tưởng là không có cũng phạm-tội. Nếu không có trùng mà tưởng là có, nếu uống cũng phạm-tội.

有居士起新舍。在屋上住。手中失梁。

hữu Cư-sĩ khởi tân xá 。 tại ốc thượng trụ 。 thủ trung thất lương 。

Có Cư-sĩ cất nhà mới, tại đỉnh của nóc nhà, tay cầm đòn tay bị rớt.

墮木師頭上即死。居士生疑。是罪為可悔不。問佛。

đọa mộc sư đầu thượng tức tử 。 Cư-sĩ sanh nghi 。 thị tội vi khả hối bất 。 vấn Phật 。

Rơi trúng đầu người thợ mộc bên dưới chết. Cư-sĩ sanh nghi, tội này có thể hối-cải hay không, nên đến hỏi Phật.

佛言無罪。屋上梁。人力少不禁故。

Phật ngôn vô tội 。 ốc thượng lương 。 nhân lực thiếu bất cấm cố 。

Phật bảo là không có tội. Lúc thượng đòn tay vì thiếu người nên không giữ nổi

梁墮木師頭上殺木師。居士即生疑。佛言無罪。

lương đọa mộc sư đầu thượng sát mộc sư 。 Cư-sĩ tức sanh nghi 。 Phật ngôn vô tội 。

Đòn rơi trúng đầu vị thợ mộc bên dưới chết. Cư-sĩ sanh nghi!. Phật dạy không có tội(vì tai-nạn)

從今日作好用心。勿令殺人。又一居士屋上作。

tùng kim nhật tác hảo dụng tâm 。 vật lệnh sát nhân 。 hựu nhất Cư-sĩ ốc thượng tác 。

Vì ngày đó làm việc với tâm tốt, vì rủi ro nên chết người. Lại có Cư-sĩ cũng thượng đòn tay.

見泥中有蠍。怖畏跳下。墮木師上即死。居士生疑。

kiến nê trung hữu hiết 。 bố úy khiêu hạ 。 đọa mộc sư thượng tức tử 。 Cư-sĩ sanh nghi 。

thấy trên cây có con bọ-cạp, hoảng sợ buồn rơi, rơi xuống trúng đầu vị thợ mộc bên dưới chết. Cư-sĩ sanh nghi.

佛言無罪。從今日好用心作。勿令殺人。

Phật ngôn vô tội 。 tùng kim nhật hảo dụng tâm tác 。 vật lệnh sát nhân 。

Phật bảo là vô-tội, vì lúc làm việc ấy với tâm tốt, rủi ro nên chết người.

又一居士日暮入嶮道值賊。賊欲取之。捨賊而走。

hựu nhất Cư-sĩ nhật mộ nhập hiểm đạo trị tặc 。 tặc dục thủ chi 。 xả tặc nhi tẩu 。

Lại có Cư-sĩ ngày nọ đi vào đường nguy-hiểm để bắt giặc cướp, giặc muốn bắt, liền trốn chạy.

墮岸下織衣人上。織師即死。居士即生疑。

đọa ngạn hạ chức y nhân thượng 。 chức sư tức tử 。 Cư-sĩ tức sanh nghi 。

khi rơi xuống bờ đê thì lúc ấy có người đang đi lên, đụng người kia chết. Cư-sĩ sanh nghi.

佛言無罪。又一居士山上推石。石下殺人。

Phật ngôn vô tội 。

Phật dạy là vô-tội. Lại có Cư-sĩ lên núi dời đá, đá lăn xuống chết người.

生疑。佛言無罪。若欲推石時。當先唱。石下。

sanh nghi 。

Sanh nghi. Phật dạy vô-tội. Nếu muốn dời đá, trước phải hô to lên. Đá lăn xuống!

令人知。又一人病癰瘡未熟。居士為破而死。

lệnh nhân tri 。

Khiến cho người khác biết. Nếu có người bệnh ung nhọt đến giai đoạn chót, Cư-sĩ vì phá ung nhọt mà chết.

即生疑。佛言。癰瘡未熟。若破者人死。是中。

tức sanh nghi 。

liền sanh nghi. Phật dạy: Nếu ung nhọt chưa đến giai đoạn cuối, nếu phá mà người kia chết, thì phạm trung tội

罪可悔。若破熟癰瘡死者無罪。

tội khả hối 。 nhược phá thực ung sang tử giả vô tội 。

có thể hối-cải; nếu ung nhọt đã đến giai đoạn cuối, phá mà chết, thì không tội.

又一小兒喜笑。居士捉擊攪令大笑故便死。居士生疑。

hựu nhất tiểu nhi hỉ tiểu 。

Lại có một trẻ nhỏ vui cười, Cư-sĩ bắt lấy chọc cho cười lớn khiến đứa nhỏ chết. Cư-sĩ sanh nghi.

佛言。戲笑故不犯殺罪。

Phật ngôn 。

Phật dạy: do cười vui thì không phạm-tội giết hại.

從今不應復擊攪人令笑。又一人坐以衣自覆。居士喚言起。是人言。

tùng kim bất ưng phục kích lịch nhân lệnh tiểu 。

Nhưng từ nay Cư-sĩ không nên cố chọc khiến cho người khác cười lớn. Lại có một người ngồi lấy áo che mắt. Cư-sĩ kêu lớn tiếng, do tiếng kêu này.

勿喚我起便死。復喚言。起起。便即死。

vật hoán ngã khởi tiện tử 。

Nghe kêu lớn người kia liền đứng dậy do đây mà chết(đứng tim). Lại hô lớn: đứng lên, đứng lên, người kia liền chết.

居士生疑。佛言。犯中可悔罪。

Cư-sĩ sanh nghi 。

Cư-sĩ sanh nghi. Phật dạy: phạm-tội bậc trung có thể hối-cải.

盜戒第二。

đạo giới đệ nhị 。

Giới thứ hai Trộm Cướp.

佛告諸比丘。優婆塞。以三種取他重物。

Phật cáo chư Tỳ-kheo 。

Ưu-bà-tắc 。

đĩ tam chủng thủ tha trọng vật 。

Phật bảo các Tỳ-Kheo, Ưu-Bà-Tắc, cũng có ba loại lấy đồ của người khác.

犯不可悔。一者用心。二者用身。三者離本處。

phạm bất khả hối 。

nhất giả dụng tâm 。

nhị giả dụng thân 。

tam giả ly bốn xứ 。

phạm-tội không thể hối-cải. Một là do Tâm; Hai là do Thân; Ba là dời đổi chỗ.

用心者。發心思惟欲為偷盜。用身者。

dụng tâm giả 。

phát tâm tư tánh dục vi thân đạo 。

dụng thân giả 。

(1).Do Tâm, là sanh lòng tham muốn sau đó lấy trộm. (2).Do thân:

用身分等取他物。離本處者。隨物在處舉著餘處。

dụng thân phần đẳng thủ tha vật 。

ly bốn xứ giả 。

tùy vật tại xứ trước dư xứ 。

là dùng thân(tay,chân...) lấy đồ người khác. (3). Dời đổi chỗ: vật ở nơi này bèn dời đi nơi khác.

復有三種。取人重物犯不可悔罪。一者自取。

phục hữu tam chủng 。

thủ nhân trọng vật phạm bất khả hối tội 。

nhất giả tự thủ 。

cũng có ba cách dời đổi. (Trộm) lấy vật quý của người khác thì phạm tội không thể hối-cải. Một là tự mình lấy.

二者教他取。三遣使取。自取者。自手舉離本處。

nhị giả giáo tha thủ 。 tam khiến sử thủ 。 tự thủ giả 。 tự thủ cử ly bốn xứ 。

Hai là chỉ bảo cho người lấy. Ba là sai khiến người khác lấy. Tự mình lấy là tự tay mình cầm lấy rời khỏi chỗ để.

教他取者。若優婆塞教人言。盜他物。

giáo tha thủ giả 。 nhược ưu-bà-tắc giáo nhân ngôn 。 đạo tha vật 。

Chỉ bảo người lấy: nếu có Ư-Bà-Tắc chỉ cách cho người khác lấy trộm vật.

是人隨意取離本處時。遣使者。語使人言。

thị nhân tùy ý thủ ly bốn xứ thời 。 khiến sử giả 。 ngữ sử nhân ngôn 。

người kia nghe theo lời nói, mà lấy vật quý rời khỏi chỗ để. Sai khiến người lấy là dùng lời sai khiến.

汝知彼重物處不。答言知處。遣往盜取。

nhữ tri bỉ trọng vật xứ bất 。 đáp ngôn tri xứ 。 khiến vãng đạo thủ 。

ngươi có biết vật quý kia ở đâu không? đáp rằng biết! liền bảo đến trộm lấy.

是人隨語取離本處時。復有五種。取他重物犯不可悔。

thị nhân tùy ngữ thủ ly bốn xứ thời 。 phục hữu ngũ chủng 。 thủ tha trọng vật phạm bất khả hối 。

người tớ kia nghe theo lời trộm lấy vật quý rời khỏi chỗ. Lại có năm loại, lấy đồ quý của người khác thì phạm-tội không thể hối-cải.

一者苦切取。二者輕慢取。三者詐稱他名字取。

nhất giả khổ thiết thủ 。 nhị giả khinh mạn thủ 。 tam giả trá xưng tha danh tự thủ 。

Một là vì đau khổ mà lấy. Hai là khinh khi mà lấy. Ba là giả danh người khác mà lấy.

四者強奪取。五者受寄取。重物者。

tứ giả cường đoạt thủ 。 ngũ giả thọ kí thủ 。 trọng vật giả 。

Bốn là dùng sức mạnh đoạt lấy. Năm là giả nhận lời giữ gìn mà lấy. Thế nào là vật quý giá?

若五錢若直五錢物。犯不可悔。

nhược ngũ tiền nhược trực ngũ tiền vật 。 phạm bất khả hối 。

vật đáng năm tiền hoặc tương đương năm tiền mà lấy thì phạm-tội không thể hối-cải.

若居士知他有五寶若似五寶。以偷心選擇而未離處。

nhược Cư-sĩ tri tha hữu ngũ bảo nhược tự ngũ bảo 。 dĩ thâm tâm tuyển trạch nhi vị ly xứ 。

Nếu Cư-sĩ biết người khác có năm món quý báu hoặc giống của báu, dùng tâm trộm đạo lựa ra nhưng chưa rời khỏi chỗ để.

犯可悔罪若選擇已取離本處。直五錢者犯不可悔。

phạm khả hối tội nhược tuyển trạch dĩ thủ ly bản xứ 。 trực ngũ tiền giả phạm bất khả hối 。

phạm tội có thể hối-cải. Nếu sau khi tuyển chọn xong rồi cầm lấy mà rời đi, nếu đáng giá năm tiền thì phạm-tội không thể hối-cải.

離本處者。若織物異繩。名異處。若皮若衣。

ly bản xứ giả 。 nhược chức vật dị thằng 。 danh dị xứ 。 nhược bì nhược y 。

Rời khỏi chỗ để ban đầu, nếu dời xa khoản sợi dây, gọi là khác chỗ ban đầu, nếu là giấy gói, nếu là áo quần.

一色名一處。異色名異處。若皮衣物。一色名一處。

nhất sắc danh nhất xứ 。 dị sắc danh dị xứ 。 nhược bì y vật 。 nhất sắc danh nhất xứ 。

mỗi màu tương đương một chỗ, nếu khác màu đồng nghĩa khác chỗ. nếu giấy gói quần áo, mỗi màu là mỗi chỗ.

異色名異處。若毛褥者。一重毛名一處。

dị sắc danh dị xứ 。 nhược mao nhục giả 。 nhất trọng mao danh nhất xứ 。

khác màu(giấy gói) gọi là khác chỗ, nếu là da thú và thịt, mỗi sợi lông nổi cộm là một chỗ.

一色名一處異色名異處。是名諸處。居士為他擔物。

nhất sắc danh nhất xứ dị sắc danh dị xứ 。 thị danh chư xứ 。 Cư-sĩ vi tha đảm vật 。

mỗi màu là một chỗ, khác màu tương-đương khác chỗ. gọi là các chỗ khác. Cư-sĩ giữ đồ cho người.

以盜心移左肩著右肩。移右手著左手。

đĩ đạo tâm di tả kiên trước hữu kiên 。 di hữu thủ trước tả thủ 。

với tâm trộm cắp nên đưa vai phải ra trước vai trái(che mắt)dùng tay mặt cầm trước tay trái(tráo)

如是身分。名為異處。車則輪軸衡軛。

như thị thân phần 。 danh vi dị xứ 。 xa tức luân trục hành ách 。

như đây là những phần của thân, cũng gọi là khác chỗ, như xe có bánh và trục vậy.

船則兩舷前後。屋則梁棟椽桷四隅及隩。皆名異處。

thuyền tức lưỡng huyên tiền hậu 。 ốc tức lương đồng chuyên giác tứ ngưng cập áo 。 giai danh dị xứ 。

thuyền chính là hai bên từ trước tới sau. Phòng tức là cột kèo cùng bốn góc, đều gọi là chỗ khác.

以盜心移物著諸異處者。皆犯不可悔。

đĩ đạo tâm di vật trước chư dị xứ giả 。 giai phạm bất khả hối 。

Dùng tâm trộm dời vật đi nơi khác, thì phạm-tội không thể hối-cải.

盜水中物者。人筏材木隨水流下。

đạo thủy trung vật giả 。 nhân phiệt tài mộc tùy thủy lưu hạ 。

trộm đồ dưới nước, người kết bè gỗ trôi theo dòng thả xuống.

居士以盜心取者。犯不可悔。若以盜心捉木令住。

Cư-sĩ dĩ đạo tâm thủ giả 。 phạm bất khả hối 。

Cư-sĩ dùng tâm trộm cắp mà lấy, thì tội không thể hối-cải. Nếu dùng tâm trộm giữ cây lại cho đứng lên.

後流至前際。及以盜心沈著水底。若舉離水時。

hậu lưu chí tiền tế 。

cập dĩ đạo tâm trầm trước thủy để 。

皆犯不可悔。復次有主池中養鳥。

giai phạm bất khả hối 。

thì phạm-tội không thể hối cải. Lại nữa có người chủ ở giữa ao có nuôi chim.

居士以盜心按著池水中者。犯可悔罪。若舉離池水犯不可悔。

Cư-sĩ dĩ đạo tâm án trước trì thủy trung giả 。

Cư-sĩ dùng tâm trộm ngăn nước chảy vào ao, phạm tội có thể hối-cải. Nếu rời đi khỏi dòng nước phạm-tội không thể hối-cải.

若人家養鳥飛入野池。以盜心舉離水。

nhược nhân gia dưỡng điều phi nhập dã trì 。 dĩ đạo tâm cử ly thủy 。

Nếu người nuôi chim không vào trong ao hoang dã, cư-sĩ dùng tâm trộm khiến rời khỏi nước.

及沈著水底。皆犯不可悔。又有居士。

cập trầm trước thủy để 。 giai phạm bất khả hối 。 hựu hữu Cư-sĩ 。

hoặc lặn sâu dưới đáy ao, đều phạm-tội không thể hối-cải.

內外莊嚴之具。在樓觀上。諸有主鳥銜此物去。

nội ngoại trang nghiêm chi cụ 。 tại lâu quán thượng 。 chư hữu chủ điều hàm thử vật khứ 。

Lại có Cư-sĩ trong ngoài có nhiều dụng cụ, ở tại lầu quán, các người nuôi chim vì những vật này mà tới.

以盜心奪此鳥者。犯不可悔。若見鳥銜寶而飛。

dĩ đạo tâm đoạt thử điều giả 。 phạm bất khả hối 。 nhược kiến điều hàm bảo nhi phi 。

(Cư-sĩ) dùng tâm trộm mà đoạt chim, thì phạm-tội không thể hối-cải. Nếu(cư-sĩ) thấy chim ngậm của báu xấp bay.

以盜心遙待之時。犯中可悔。

dĩ đạo tâm dao đãi chi thời 。 phạm trung khả hối 。

lại dùng tâm trộm mà khéo dài thời gian, thì phạm tội có thể hối-cải.

若以呪力令鳥隨意所欲至處。犯不可悔。若至餘處犯中可悔。

nhược dĩ chú lực lệnh điều tùy ý sở dục chí xứ 。 phạm bất khả hối 。 nhược chí dư xứ phạm trung khả hối 。

Nếu(Cư-sĩ) dùng sức mạnh thần chú, khiến cho chim bay đến nơi mình muốn thì phạm-tội không thể hối-cải, còn các điều khác thì phạm-tội có thể hối-cải.

若有野鳥銜寶而去。居士以盜心奪野鳥取。

nhược hữu dã điểu hàm bảo nhi khứ 。 Cư-sĩ dĩ đạo tâm đoạt dã điểu thủ 。

Nếu có chim rừng ngậm của báo bay đến, nếu Cư-sĩ dùng tâm trộm bắt lấy chim.

犯中可悔。待野鳥時犯小可悔。

phạm trung khả hối 。 đãi dã điểu thời phạm tiểu khả hối 。

thì phạm-tội có thể hối-cải, nếu đợi chim rừng bay đi thì tội nhẹ có thể hối-cải.

又諸野鳥銜寶而去。諸有主鳥奪野鳥取。

hựu chư dã điểu hàm bảo nhi khứ 。 chư hữu chủ điểu đoạt dã điểu thủ 。

Lại có chim rừng ngậm của báo bay đến, các người nuôi chim bắt được.

居士以盜心奪有主鳥取。犯不可悔。若待鳥時犯中可悔。

Cư-sĩ dĩ đạo tâm đoạt hữu chủ điểu thủ 。 phạm bất khả hối 。 nhược đãi điểu thời phạm trung khả hối 。

Cư-sĩ dùng tâm trộm đoạt chim từ tay các người nuôi chim, thì phạm tội không thể hối-cải, nếu chờ chim rừng đến thì phạm-tội có thể hối-cải.

餘如上說。又諸有主鳥銜寶物去。為野鳥所奪。

dư như thượng thuyết 。 hựu chư hữu chủ điểu hàm bảo vật khứ 。 vi dã điểu sở đoạt 。

các điều khác như trên đã nói. Lại có chủ nuôi chim ngậm bảo vật bay đến, (Cư-sĩ) cho là chim rừng nên bắt lấy.

居士以盜心奪野鳥取。犯中可悔。

Cư-sĩ dĩ đạo tâm đoạt dã điểu thủ 。 phạm trung khả hối 。

Cư-sĩ dùng tâm trộm mà bắt chim rừng trong tay, thì phạm-tội có thể hối-cải.

若待鳥時亦犯中可悔。餘亦同上。若居士蒲博。

nhược đãi điếu thời diệc phạm trung khả hối 。 dư diệc đồng thượng 。 nhược Cư-sĩ bồ bác
。

Nếu đợi chim bay đến thì cũng phạm tội bất trung có thể hối-cải, các việc khác như trên. Nếu Cư-sĩ cờ
bạc

以盜心轉齒勝他得五錢者。犯不可悔。

đĩ đạo tâm chuyển xỉ thắng tha đắc ngũ tiền giả 。 phạm bất khả hối 。

dùng tâm trộm, gạt người năm tiền, thì phạm tội không thể hối-cải.

若有居士以盜心偷舍利。犯中可悔。若以恭敬心而作是念。

nhược hữu Cư-sĩ dĩ đạo tâm thâu xá lợi 。 phạm trung khả hối 。 nhược dĩ cung kính tâm nhi tác
thị niệm 。

Nếu có Cư-sĩ dùng tâm trộm nhận xá-lợi, thì phạm tội bất trung có thể hối-cải. Nếu Cư-sĩ dùng tâm cung
kính mà nghĩ như vậy:

佛亦我師。清淨心取者無犯。

Phật diệc ngã sư 。 thanh tịnh tâm thủ giả vô phạm 。

Phật là thầy ta, với tâm thanh tịnh nhận Xá-lợi thì không phạm.

若居士以盜心取經卷。犯不可悔。計直輕重。

nhược Cư-sĩ dĩ đạo tâm thủ Kinh quyển 。 phạm bất khả hối 。 kế trực khinh trọng 。

Nếu Cư-sĩ dùng tâm trộm cầm lấy quyển kinh, thì phạm tội không thể hối-cải, biết rõ nặng nhẹ

夫盜田者有二因緣。奪他田地。一者相言。二者作相。

phu đạo điền giả hữu nhị nhân duyên 。 đoạt tha điền địa 。 nhất giả tướng ngôn 。 nhị giả tác tướng 。

Người cướp ruộng đất có hai điều : (1) Đoạt ruộng của người khác. Một người nói, một người ra bộ

若居士為地故。言他得勝。若作異相。過分得地。

nhược Cư-sĩ vi địa cố 。 ngôn tha đắc thắng 。 nhược tác dị tướng 。 quá phần đắc địa 。

Nếu Cư-sĩ vì đất mà nói chắc chắn với người khác rằng:" Nếu làm những điều bộ khác thường, chắc chắn sẽ được đất"

直五錢者犯不可悔。有諸居士。應輸估稅而不輸。

trực ngũ tiền giả phạm bất khả hối 。 hữu chư Cư-sĩ 。 ứng du cổ thuế nhi bất du 。

nếu đáng giá hơn năm tiền thì phạm-tội không thể hối-cải. Nếu có các Cư-sĩ khi thu thuế không được trộm tiền thuế.

至五錢者犯不可悔。復有居士至關稅處。

chí ngũ tiền giả phạm bất khả hối 。 phục hữu Cư-sĩ chí quan thuế xứ 。

cho đến năm tiền thì phạm-tội không thể hối-cải. Lại có Cư-sĩ đến sở quan-thuế.

語諸居士。汝為我過此物。與汝半稅。為持過者。

ngữ chư Cư-sĩ 。 nhữ vi ngã quá thử vật 。 dĩ nhữ bán thuế 。 vi trì quá giả 。

bảo các Cư-sĩ khác rằng: các vị vì những vật dư thừa này(quá mức quy định) của tôi. Những vật này chỉ phải đóng phân nửa thuế, nhưng các vị đã thu thuế cao hơn.

違稅五錢犯不可悔。居士若示人異道。

vi thuế ngũ tiền phạm bất khả hối 。 Cư-sĩ nhược thị nhân dị đạo 。

Nếu thu hơn năm tiền, thì phạm-tội không thể hối-cải. Nếu Cư-sĩ đối với những người đi đường khác.

使令失稅物直五錢。犯中可悔。

sử lệnh thất thuế vật trực ngũ tiền 。 phạm trung khả hối 。

bắt họ đóng thuế nhiều hơn mức định năm tiền thì phạm-tội bậc trung có thể hối-cải.

若稅處有賊及惡獸或飢餓。故示異道令免斯害。不犯。

nhược thuế xử hữu tặc cập ác thú hoặc cơ nga 。 cố thị dị đạo lệnh miễn tư hại 。 bất phạm 。

nếu trạm thuế gặp giặc cướp, ác thú hay việc nguy hiểm, Cư-sĩ ra lệnh miễn thuế, để những người khác không bị hại thì không phạm.

又有居士。與賊共謀破諸村落得物。共分直五錢者。

hựu hữu Cư-sĩ 。 dữ tặc cộng mưu phá chư thôn lạc đắc vật 。

Lại có Cư-sĩ cùng bọn cướp âm mưu phá làng xóm để cướp đồ vật quý, nếu gộp lại giá hơn năm tiền.

犯不可悔。盜無足眾生者。蝨蟲于投羅蟲等。

phạm bất khả hối 。

thì(Cư-sĩ) phạm tội không thể hối-cải, nếu trộm những loài không chân như rắn, đĩa trùng.v.v...

人取舉著器中。居士從器中取者犯不可悔。

nhân thủ cử trước khí trung 。

người dùng tay bắt chúng bỏ vào thùng. Cư-sĩ từ trong thùng mà bắt lấy thì phạm tội không thể hối-cải.

選擇如上。盜二足三足眾生者。

tuyển trạch như thượng 。

phần khác như trên đã nói. Trộm cặp loài hai chân trở lên.

人及鵝雁鸚鵡鳥等。是諸鳥在籠樊中。

nhân cập nga nhận anh vũ điểu đẳng 。 thị chư điểu tại lung phiền trung 。

Cur-sĩ cùng với thiên-nga, nhận, anh-vũ.v.v...các loài này được nhốt trong lồng

若盜心取者犯不可悔。餘如上說。盜人有二種。一者擔去。

nhược đạo tâm thủ giả phạm bất khả hối 。 dư như thượng thuyết 。 đạo nhân hữu nhị chủng 。

nhất giả đảm khứ 。

nếu dùng tâm trộm bắt lấy thì phạm tội không thể hối-cải, các điều khác như trên đã nói. Kẻ trộm có hai loại: 1./ Loại một mình.

二者共期。若居士以盜心。擔人著肩上。

nhị giả cộng kỳ 。 nhược Cur-sĩ dĩ đạo tâm 。 đảm nhân trước kiên thượng 。

2./ Là hợp bọn. Nếu Cur-sĩ với tâm trộm, một mình đặt lên vai.

人兩足離地。犯不可悔。若共期行過二叟步。

nhân lưỡng túc ly địa 。 phạm bất khả hối 。 nhược cộng kỳ hành quá nhị tẩu bộ 。

Khi hai chân rời khỏi chỗ đứng thì phạm tội không thể hối-cải. Nếu là hợp nhóm, khi chạy quá hai bước.

犯不可悔。餘皆如上說。盜四足者。象馬牛羊也。

phạm bất khả hối 。 dư giai như thượng thuyết 。 đạo tứ túc giả 。 tượng mã ngưu dương dã 。

thì phạm tội không thể hối-cải; các phần khác như trên đã nói. Trộm loài bốn chân như voi, ngựa, trâu, dê. v.v...

人以繩繫著一處。以盜心牽將過四叟步。

nhân dĩ thăng hệ trước nhất xứ 。 dĩ đạo tâm khiên tướng quá tứ tẩu bộ 。

người dùng giây cột dẫn đến một nơi, (Cư-sĩ) với tâm trộm dẫn thú vượt quá(chỗ quy định) bốn bước.

犯不可悔。若在一處臥。以盜心驅起過四叟步。

phạm bất khả hối 。 nhược tại nhất xứ ngoạ 。 dĩ đạo tâm khu khởi quá tứ tẩu bộ 。

thì phạm tội không thể hối-cải. Nếu tại nơi thú nằm dùng tâm trộm giật thú đứng lên bước đi quá bốn bước.

犯不可悔。多足亦同。若在牆壁籬障內。

phạm bất khả hối 。 đa túc diệc đồng 。 nhược tại tường bích li chương nội 。

thì phạm tội không thể hối-cải. Vật nhiều chân cũng như vậy. Nếu tại vách tường, rào che khuất bên trong.

以盜心驅出過群四叟步者。犯不可悔。

dĩ đạo tâm khu xuất quá quần tứ tẩu bộ giả 。 phạm bất khả hối 。

(Cư-sĩ) với tâm trộm chạy nhanh ra, vượt qua những người khác hơn bốn bước, thì phạm tội không thể hối-cải.

餘如上說。若在外放之。居士以盜心念。

dư như thượng thuyết 。 nhược tại ngoại phóng chi 。 Cư-sĩ dĩ đạo tâm niệm 。

Những điều khác như trên đã nói. Nếu ở bên ngoài mà thả thú đi, Cư-sĩ với tâm trộm

若放牧人入林去時。我當盜取。發念之機犯中可悔。

nhược phóng mục nhân nhập lâm khứ thời 。 ngã đương đạo thủ 。 phát niệm chi ky phạm trung khả hối 。

nếu người thả súc vật vào rừng rời đi. ta nên trộm lấy, phát khởi ý nghĩ lấy trộm thì phạm tội bậc trung có thể hối-cải.

若殺者。自同殺罪。殺已取五錢肉。犯不可悔。

nhược sát giả 。 tự đồng sát tội 。 sát dĩ thủ ngũ tiền nhục 。 phạm bất khả hối 。

nếu giết thú chết thì đồng với tội giết hại. Nếu giết thú giá hơn năm tiền thì phạm tội không thể hối-cải.

復有七種。一非己想。二不同意。三不暫用。

phục hữu thất chủng 。 nhất phi kỷ tưởng 。 nhị bất đồng ý 。 tam bất tạm dụng 。

Lại có bảy loại: Một là không vì mình mà nghĩ; hai là không đồng ý; Ba là không dùng tạm.

四知有主。五不狂。六不心亂。七不病壞心。

tứ tri hữu chủ 。 ngũ bất cuồng 。 lục bất tâm loạn 。 thất bất bệnh hoại tâm 。

Bốn là biết thú có chủ; Năm là không phải do điên cuồng; Sáu là không phải do tâm loạn; Bảy là không phải bệnh hư hoại tâm(quên).

此七者。取重物犯不可悔。取輕物犯中可悔。

thử thất giả 。 thủ trọng vật phạm bất khả hối 。

bảy thứ này, nếu giữ vật quý giá thì phạm tội không thể hối-cải, giữ vật thường thì phạm tội bậc trung có thể hối-cải.

又有七種。一者己想。二者同意。三者暫用。

hựu hữu thất chủng 。 nhất giả kỷ tưởng 。 nhị giả đồng ý 。 tam giả tạm dụng 。

Lại có bảy loại nữa: Một là tưởng vật của mình; Hai là có sự đồng ý; Ba là dùng tạm.

四者謂無主。五狂。六心亂七病壞心。此七者。

tứ giả vị vô chủ 。 ngũ cuồng 。 lục tâm loạn thất bệnh hoại tâm 。

Bốn là vật vô chủ; Năm là do điên loạn; Sáu là tâm rối loạn; Bảy là tâm bị hư hoại(quên).

取物無犯。有一居士種植蘿蔔。

thủ vật vô phạm 。 hữu nhất Cư-sĩ chủng thực La bặc 。

bị bầy bệnh này thì giữ vật không phạm tội. Một Cư-sĩ có loại thực phẩm là củ-cải.

又有一人來至園所。語居士言。與我蘿蔔。居士問言。

hựu hữu nhất nhân lai chí viên sở 。 ngữ Cư-sĩ ngôn 。 dữ ngã La bặc 。 Cư-sĩ vấn ngôn 。

Lại có một người đến chỗ Cư-sĩ; nói với Cư-sĩ rằng: đưa cho tôi củ-cải; Cư-sĩ hỏi?

汝有價耶。為當直索。答言。我無價也。居士曰。

nhữ hữu giá da 。 vi đương trực tác 。 đáp ngôn 。 ngã vô giá dã 。 Cư-sĩ viết 。

người có giá ư? đơn giản đáp rằng: tôi không có giá. Cư-sĩ nói:

若須蘿蔔當持價來。我若但與汝者。

nhược tu La bặc đương trì giá lai 。 ngã nhược đãn dữ nhữ giả 。

nếu (người) gì món củ cải ta đang giữ giá mà đến; ta nên đưa cho người.

何以供朝夕之饑耶。客言。汝定不與我耶。主曰。

hà dĩ cung triêu tịch chi thiên da 。 khách ngôn 。 nhữ định bất dữ ngã da 。 chủ viết 。

Nhưng tại sao ta(Cư-sĩ) lại đưa vào buổi sáng, buổi chiều khách mới có cỗ mà! Khách nói. Người không định đưa cho ta!! Cư-sĩ nói.

吾豈得與汝。客便以呪術令菜乾枯。迴自生疑。

ngô khởi đắc dữ nhữ 。 khách tiện dĩ chú thuật lệnh thái kiện khô 。 hồi tự sanh nghi 。

Tôi sẽ đưa cho người! Khách liền dùng chú thuật làm cho củ cải khô héo! rồi tự sanh nghi!

將無犯不可悔耶。往決如來。佛言。

tướng vô phạm bất khả hối da 。 vãng quyết Như Lai 。 Phật ngôn 。

việc này là phạm hay không phạm tội? bèn đến chỗ của Phật nhờ chỉ bảo.

計直所犯可悔不可悔。莖葉華實皆與根同。

kế trực sở phạm khả hối bất khả hối 。 hành diệp hoa thật giai dĩ căn đồng 。

nếu có tính toán thì chỗ phạm không thể hối-cải; thí như cọng, lá và hoa thật ra là một.

有一人在祇洹間耕墾。脫衣著田一面。

hữu nhất nhân tại kì hoàn gian canh khẩn 。 thoát y trước điền nhất diện 。

Có một người ở nơi Tịnh-xá Kỳ-Hoàn vỡ đất cày ruộng, cởi áo để trên bờ ruộng.

時有居士四望無人。便持衣去。

thời hữu Cư-sĩ tứ vọng vô nhân 。 tiện trì y khứ 。

Lúc ấy có vị Cư-sĩ đi đến nhìn bốn bên không thấy người, liền cầm áo đi!

時耕者遙見語居士言。勿取我衣。居士不聞。猶謂無主。

thời canh giả dao kiến ngữ Cư-sĩ ngôn 。 vật thủ ngã y 。 Cư-sĩ bất văn 。 do vị vô chủ 。

lúc ấy người vỡ đất từ xa trông thấy liền nói lớn rằng: vật ông đang cầm là áo của tôi, nhưng Cư-sĩ không nghe, do đó là vật vô chủ.

故持衣去。耕人即隨後捉之。語居士言。

cố trì y khứ 。 canh nhân tức tùy hậu tróc chi 。 ngữ Cư-sĩ ngôn 。

cầm áo rời đi, người vỡ đất từ sau đuổi theo, nói với Cư-sĩ rằng:

汝法應不與取耶。居士答言。我謂無主故取之耳。

nhữ Pháp ưng bất dữ thủ da 。 Cư-sĩ đáp ngôn 。 ngã vị vô chủ cố thủ chi nhĩ 。

Pháp tu của người là không được cầm giữ đồ người khác. Cư-sĩ đáp lời: Nếu là vật vô chủ thì có thể giữ!

豈法宜然。耕人言。此是我衣。居士言曰。

khởi Pháp nghi nhiên 。 canh nhân ngôn 。 thử thị ngã y 。 Cư-sĩ ngôn viết 。

Cư-sĩ tự khởi lòng nghi? người cày nói: đây chính là áo của tôi! Cư-sĩ nói:

是汝衣者便可持去。居士生疑。我將無犯不可悔耶。

thị nhữ y giả tiện khả trì khứ 。 Cư-sĩ sanh nghi 。 ngã tướng vô phạm bất khả hối da 。

Nếu là áo của người thì hãy lấy lại. Cư-sĩ sanh nghi! việc làm này của ta là phạm hay không phạm tội không thể hối-cải.

即往佛所諮質此事。佛知故問。汝以何心取之。

tức vãng Phật sở ti chất thử sự 。 Phật tri cố vấn 。 nhữ dĩ hà tâm thủ chi 。

liền đi đến chỗ Phật hỏi việc này? Phật đã biết nhưng vẫn hỏi? người dùng tâm gì khi cầm áo đi?

居士白言。謂言無主。佛言無犯。

Cư-sĩ bạch ngôn 。 vị ngôn vô chủ 。 Phật ngôn vô phạm 。

Cư-sĩ thưa, nó là vật vô chủ. Phật dạy vậy thì không phạm tội trộm.

自今而後取物者。善加籌量。或自有物。

tự kim nhi hậu thủ vật giả 。 thiện gia trừ lượng 。 hoặc tự hữu vật 。

Từ nay về sau giữ đồ vật gì, phải khéo suy lường, hoặc tự có vật.

雖無人守而實有主者也。若發心欲偷未取者。犯下可悔。

tuy vô nhân thủ nhi thật hữu chủ giả dã 。 nhược phát tâm dục thâu vị thủ giả 。 phạm hạ khả hối 。

tuy không có người giữ nhưng mà thật là vật có chủ. Nếu do lòng tham mà thâu lấy thì phạm tội có thể hối-cải.

取而不滿五錢者。犯中可悔。取而滿五錢。

thủ nhi bất mãn ngũ tiền giả 。 phạm trung khả hối 。

Nếu vật ấy đáng giá không hơn năm tiền thì phạm trung tội có thể hối-cải! Nếu đủ năm tiền.

犯不可悔。

phạm bất khả hối 。

thì phạm tội không thể hối-cải.

姪戒第三。

dâm giới đệ tam 。

Giới Tà-Dâm thứ ba

佛告諸比丘。優婆塞。不應生欲想欲覺。

Phật cáo chư Tỳ-kheo 。 Ưu-bà-tắc 。

Phật bảo các Tỳ-kheo, Ưu-Bà-Tắc, không nên sanh ý tưởng dâm dục hay cảm giác của sự dâm dục.

尚不應生心。何況起欲恚癡結縛根本不淨惡業。

thượng bất ưng sanh tâm 。

Trước hết là không nên khởi nên ý tưởng ham muốn; hà huống khởi lòng si mê, chúng sẽ kết thành căn bản ác nghiệp bất tịnh.

是中犯邪淫有四處。男女黃門二根。女者。

thị trung phạm tà dâm hữu tứ xứ 。 nam nữ hoàng môn nhị căn 。 nữ giả 。

Ở đây nói chung chỗ phạm tà-dâm cho mọi người: trai, gái, người lưỡng tính, hai căn...

人女非人女畜生女。男者。人男非人男畜生男。

nhân nữ phi nhân nữ súc sanh nữ 。 nam giả 。 nhân nam phi nhân nam súc sanh nam 。

người nữ, không phải người nữ, súc sanh giống cái, người nam, không phải người nam, súc sanh giống đực.

黃門二根亦同於上類。若優婆塞。

hoàng môn nhị căn diệc đồng ư thượng loại 。 nhược ưu-bà-tắc 。

Thái giám, người có hai bộ phận sinh dục cũng đều như trên. Nếu có Ưu-Bà-Tắc.

與人女非人女畜生女。三處行邪淫。犯不可悔。

dữ nhân nữ phi nhân nữ súc sanh nữ 。 tam xứ hành tà dâm 。 phạm bất khả hối 。

cùng với người nữ, không phải nữ, súc sanh giống cái, với ba nơi(trên thân) làm việc dâm dục thì phạm tội không thể hối-cải.

若人男非人男畜生男黃門二根。

nhược nhân nam phi nhân nam súc sanh nam hoàng môn nhị căn 。

nếu với người nam, không phải nam hay súc sanh giống đực, thái giám hay người có hai căn.

二處行淫犯不可悔。若發心欲行淫。未和合者犯下可悔。

nhị xứ hành dâm phạm bất khả hối 。 nhược phát tâm dục hành dâm 。 vị hòa hợp giả phạm hạ khả hối 。

với hai chỗ trên thân mà làm việc dâm dục thì phạm tội không thể hối-cải, nếu ý muốn làm việc dâm, nhưng thân chưa hòa hợp, thì tội có thể hối-cải.

若二身和合止不姪。犯中可悔。

nhược nhị thân hòa hợp chỉ bất dâm 。 phạm trung khả hối 。

nếu hai thân đã xúc chạm, nhưng ngừng việc dâm dục thì phạm tội bậc trung có thể hối-cải.

若優婆塞。婢使已配嫁有主。

nhược ưu-bà-tắc 。 Tì sử dĩ phối giá hữu chủ 。

Nếu Ưu-bà-Tắc, bảo tỳ nữ đã lấy chồng, có chủ.

於中行邪姪者犯不可悔。餘輕犯如上說。三處者。

ư trung hành tà dâm giả phạm bất khả hối 。 dư khinh phạm như thượng thuyết 。 tam xứ giả 。

như đây mà làm việc tà dâm thì phạm tội không thể hối-cải, những tội nhẹ như trên đã nói. Nói là ba nơi:

口處大便小便處。除是三處。餘處行欲皆可悔。

khẩu xứ đại tiện tiểu tiện xứ 。 trừ thị tam xứ 。 dư xứ hành dục giai khả hối 。

Nơi miệng, nơi đại tiện, nơi tiểu tiện, trừ ba chỗ này ra, các phần khác phạm việc dâm có thể hối-cải.

若優婆塞。婢使未配嫁。於中非道行姪者。

nhược ưu-bà-tắc 。 Tì sử vị phối giá 。 ư trung phi đạo hành dâm giả 。

Nếu có Ưu-Bà-Tắc sai khiến tỳ nữ chưa có chồng, ở nơi vắng làm việc dâm.

犯可悔罪。後生受報罪重。

phạm khả hối tội 。 hậu sanh thọ báo tội trọng 。

thì phạm tội có thể hối-cải, nhưng những đời sau thọ quả báo nặng.

若優婆塞有男子僮使人等。共彼行姪二處。

nhược ưu-bà-tắc hữu nam tử đồng sử nhân đấng 。 cộng bỉ hành dâm nhị xứ 。

Nếu Ưu-Bà-Tắc cùng với trai trẻ hành dâm, ở hai nơi(miệng và nơi đại tiện)

犯不可悔罪。餘輕犯罪同上說。

phạm bất khả hối tội 。 dư khinh phạm tội đồng thượng thuyết 。

thì phạm tội không thể hối-cải, những phần nhẹ như trên đã nói.

若優婆塞共姪女行姪。不與直者。

nhược ưu-bà-tắc cộng dâm nữ hành dâm 。 bất dữ trực giả 。

Nếu Ưu-Bà-Tắc cùng gái bán dâm hành dâm, nếu không nói thẳng ra với người!

犯邪姪不可悔。與直無犯。若人死乃至畜生死者。

phạm tà dâm bất khả hối 。 dữ trực vô phạm 。 nhược nhân tử nãi chí súc sanh tử giả 。

thì phạm tội không thể hối-cải. Nếu nói thẳng thì không phạm.?. Nếu hành dâm với thầy người hay thầy súc sanh!

身根未壞。共彼行邪姪。女者三處犯不可悔。

thân căn vị hoại 。 cộng bỉ hành tà dâm 。 nữ giả tam xứ phạm bất khả hối 。

thân căn chưa hư hoại, cùng thầy hành dâm, cùng thầy nữ nơi ba chỗ thì phạm tội không thể hối-cải.

輕犯同上說。

khinh phạm đồng thượng thuyết 。

chỗ nhẹ như trước đã nói.

若優婆塞自受八支。行婬者犯不可悔。

nhược ưu-bà-tắc tự thọ bát chi 。

nếu Ưu-Bà-Tắc tự thọ tám giới(Bát-Quan-Trai), mà hành dâm thì phạm tội không thể hối-cải.

八支無復邪正。一切皆犯。

bát chi vô phục tà chánh 。

Tám giới không thể trở lại thanh tịnh, tất cả đều phạm.

若優婆塞。雖都不受戒。犯佛弟子淨戒人者。

nhược ưu-bà-tắc 。

Nếu Ưu-Bà-Tắc tuy không thọ tám giới; nhưng lại xâm phạm đệ tử Phật người giữ giới thanh tịnh.

雖無犯戒之罪。

tuy vô phạm giới chi tội 。

tuy là không phạm giới.

然後永不得受五戒乃至出家受具足。

nhiên hậu vĩnh bất đắc thọ ngũ giới nãi chí xuất gia thọ cụ túc 。

nhưng về sau cũng không được thọ năm giới tại gia cho đến xuất gia cụ-túc giới(Tỳ-kheo).

佛告諸比丘。吾有二身。生身戒身。若善男子。

Phật cáo chư Tỳ-kheo 。 ngô hữu nhị thân 。 sanh thân giới thân 。 nhược Thiện nam tử 。

Phật bảo các Tỳ-kheo: Một người thì có hai thân: sanh thân và giới thân, nếu có người trai lành

為吾生身起七寶塔至于梵天。

vi ngô sanh thân khởi thất bảo tháp chí vu phạm thiên 。

Vì sanh thân của Ta(Phật) mà xây bảo tháp cao tới trời Phạm-thiên.

若人虧之其罪尚有可悔。虧吾戒身其罪無量。

nhược nhân khuy chi kỳ tội thượng hữu khả hối 。

nếu người khiếm khuyết những tội(thân) ở trên có thể hối-cải, nhưng nếu khiếm khuyết giới thân thì tội nặng vô lượng.

受罪如伊羅龍王。

thọ tội như y La long Vương 。

thọ tội cũng giống như Y-La-long-Vương.

妄語戒第四。

vọng ngữ giới đệ tứ 。

Nói dối giới thứ tư

佛告諸比丘。吾以種種呵妄語。

Phật cáo chư Tỳ-kheo 。 ngô dĩ chủng chủng ha vọng ngữ 。

Phật bảo các Tỳ-kheo. Ta(Phật) đã quở trách rất nhiều về tội nói dối.

讚歎不妄語者。乃至戲笑尚不應妄語。何況故妄語。

tán thán bất vọng ngữ giả 。 nãi chí hí tiếu thượng bất ưng vọng ngữ 。 hà hưởng cố vọng ngữ 。
khen ngợi người nói lời chân thật, cho đến nói chơi cũng không được nói dối, hưởng gì cố ý nói dối.

是中犯者。若優婆塞。

thị trung phạm giả 。 nhược ưu-bà-tắc 。

chỗ phạm nơi đây là! nếu có Ưu-Bà-Tắc.

不知不見過人聖法自言我是羅漢向羅漢者。犯不可悔。

bất tri bất kiến quá nhân thánh pháp tự ngôn ngã thị La-hán hướng La-hán giả 。 phạm bất khả hối 。

không biết, không thấy, đi ngang qua thánh pháp tự nói mình chính là bậc A-La-hán hay sắp sửa thành La-hán thì phạm tội không thể hối-cải.

若言我是阿那含斯陀舍若須陀洹乃至向須陀洹。

nhược ngôn ngã thị A-na-hàm Tư đà hàm nhược Tu đà Hoàn nãi chí hướng Tu đà Hoàn 。

nếu nói tôi là A-Na-Hàm, Tư-Đà-Hàm hoặc là Tu-Đà-Hoàn cho đến sắp là Tu-Đà-Hoàn.

若得初禪第二禪第三禪第四禪。

nhược đắc sơ Thiền đệ nhị Thiền đệ tam Thiền đệ tứ Thiền 。

hoặc sắp đắc Sơ-thiền, Nhị-thiền, Tam-thiền hay Tứ-thiền.

若得慈悲喜捨無量心。

nhược đắc từ bi hỷ xả vô lượng tâm 。

hoặc đã được Từ-bi hỷ-xả vô lượng tâm.

若得無色定虛空定識處定無所有處定非想非非想處定。

nhược đắc vô sắc định hư không định thức xứ định vô sở hữu xứ định phi tưởng phi phi tưởng xứ định 。

hoặc đã đạt Vô-sắc định, Hư-không định, Thức-xứ định, Vô-sở-hữu-xứ định, Phi-tưởng, Phi-phi-tưởng-xứ định.

若得不淨觀阿那般那念諸天來到我所。

nhược đắc bất tịnh quán A na bát na niệm chư Thiên lai đáo ngã sở 。

hoặc đã đạt được Bất-tịnh quán, A-na-bát-na niệm, chư thiên đến chỗ ở của ta.

諸龍夜叉薜荔毘舍闍鳩槃荼羅刹來到我所。彼問我。我答彼。我問彼。

chư long dạ xoa bệ lệ tỳ xá đồ Cưu bàn trà La-sát lai đáo ngã sở 。

bỉ vấn ngã 。

ngã đáp bỉ 。

các loài rồng, Dạ-xoa, Bệ-lệ, Tỳ-xá-đồ, Cưu-bàn-trà, La-sát đến chỗ tôi, họ hỏi tôi? tôi trả lời và tôi hỏi lại họ.

彼答我。皆犯不可悔。若本欲言羅漢。

bỉ đáp ngã 。

giai phạm bất khả hối 。

nhược bốn dục ngôn La-hán 。

họ trả lời tôi... tất cả đều phạm tội không thể hối-cải, nếu vì ham muốn mà nói mình là La-Hán.

誤言阿那含者犯中可悔。餘亦如是犯。

ngộ ngôn A-na-hàm giả phạm trung khả hối 。

dư diệc như thị phạm 。

nếu lỡ lời mà nói mình là A-Na-Hàm thì phạm tội bậc trung có thể hối-cải, các việc khác như đây mà phạm.

若優婆塞人問言。汝得道耶。若默然若以相示者。

nhược ưu-bà-tắc nhân vấn ngôn 。

nhữ đắc đạo da 。

nhược mặc nhiên nhược dĩ tướng thị giả 。

。

hoặc có người hỏi Ưu-Bà-Tắc, Ông đã đắc đạo? Nếu im lặng hoặc dùng thân tướng để tỏ rõ.

皆犯中可悔。乃至言旋風土鬼來至我所者。

giai phạm trung khả hối 。 nãi chí ngôn toàn phong độ quý lai chí ngã sở giả 。

đều phạm trung tội có thể hối-cải. Cho đến lời nói và tính cách của quý cũng đến chỗ tôi.

犯中可悔。若優婆塞。實聞而言不聞。

phạm trung khả hối 。 nhược ưu-bà-tắc 。 thật văn nhi ngôn bất văn 。

thì phạm trung tội có thể hối-cải. Nếu Ưu-Bà-Tắc có nghe mà nói là không nghe.

實見而言不見。疑有而言無。無而言有。如是等妄語。

thật kiến nhi ngôn bất kiến 。 nghi hữu nhi ngôn vô 。 vô nhi ngôn hữu 。 như thị đẳng vọng ngữ 。

có thấy mà nói là không thấy, nghi là có mà nói không, nghi là không mà nói là có; như vậy đều là nói dối!

皆犯可悔。若發心欲妄語。未言者犯下可悔。

giai phạm khả hối 。 nhược phát tâm dục vọng ngữ 。 vị ngôn giả phạm hạ khả hối 。

đều phạm tội có thể hối-cải, nếu muốn nói dối, mà chưa nói thành lời thì phạm tội có thể hối-cải.

言而不盡意者。犯中可悔。若向人自言得道者。

ngôn nhi bất tận ý giả 。 phạm trung khả hối 。 nhược hướng nhân tự ngôn đắc đạo giả 。

nếu nói lời không hết ý thì phạm trung tội có thể hối-cải. Nếu(Ưu-Bà-Tắc) hướng tới người khác; nói là tôi đã đắc đạo.

便犯不可悔。若狂若心亂不覺語者。無犯。

tiện phạm bất khả hối 。 nhược cường nhược tâm loạn bất giác ngữ giả 。 vô phạm 。

thì liền phạm tội không thể hối-cải. Nếu bị mất trí hoặc tâm tán loạn không biết mình nói gì thì không phạm.

酒戒第五。

tửu giới đệ ngũ 。

Giới Rượu(chất gây say/nghiện) thứ năm.

佛在支提國跋陀羅婆提邑。是處有惡龍。

Phật tại chi đề quốc bạt-đà-la Bà đề ấp 。

Lúc đức Phật ở tại nước Chi-Đề, ấp Bạt-Đà-La-Bà-Đề, nơi đây có một con rồng hung ác.

名菴婆羅提陀。兇暴惡害。無人得到其處。

danh Am-bà-la Đề đà 。

Tên là Am-Bà-La-Đề-Đà, rất hung bạo ác hại, không có người nào dám đến chỗ nó ở.

象馬牛羊驢騾駝無能近者。

tượng mã ngưu dương lư loa thác Đà vô năng cận giả 。

Cho đến voi, ngựa, trâu, dê, lừa, lạc đà cũng không dám đến gần.

乃至諸鳥不得過上。秋穀熟時破滅諸穀。長老莎伽陀。

nãi chí chư điểu bất đắc quá thượng 。

cho đến chim muôn cũng không thể bay qua khoảng không phía trên. Khi cây lương thực chín mùa thu điều bị nó phá hủy. Trưởng lão Toa-Già-Đà.

遊行支提國。漸到跋陀羅波提。過是夜已。

du hành chi đề quốc 。 tiêm đảo bạt-đà-la ba đề 。 quá thị dạ dĩ 。

đi đến nước Chi-Đề, lần đi đến ấp Bạt-Đà-La-Ba-Đề, lúc ấy đêm đã qua.

晨朝著衣持鉢入村乞食。乞食時。聞此邑有惡龍。

thần triều trước y trì bát nhập thôn khát thực 。 khát thực thời 。 văn thử ấp hữu ác long 。

Sáng sớm mặc y, ôm bình vào thôn khát thực; lúc đi khát thực ngài nghe nói ở ấp này có một con rồng hung ác.

名菴婆羅提陀。

đanh Am-bà-la Đề đà 。

tên là Am-Bà-La-Đề-Đà.

兇暴惡害人民鳥獸不得其住處。秋穀熟時破滅諸穀。聞已乞食訖。

hung bạo ác hại nhân dân điểu thú bất đắc đảo kỳ trụ xứ 。

rất hung dữ, sát hại người dân, chim, thú khi đi đến nơi nó ở; cây lương thực đến mùa thu hoạch đều bị phá hủy. Đã nghe rồi, nên khi khát thực xong.

到菴婆羅提陀龍住處泉邊樹下。敷坐具大坐。

đảo Am-bà-la Đề đà long trụ xứ tuyền biên thụ hạ 。

Ngài đi đến chỗ ở của con rồng Am-Bà-La-Đề-Đà, dưới gốc cây bên bờ suối trải tọa cụ lớn ngồi.

龍聞衣氣即發瞋恚。從身出煙。

long văn y khí tức phát sân khuể 。

Ác long ngửi được mùi y của trưởng lão. liền bộc phát cơn giận dữ, thân hình liền bốc khói.

長老莎伽陀即入三昧。以神通力身亦出烟。龍倍瞋恚。

Trưởng-lão toa già đà tức nhập tam muội 。 dĩ thần thông lực thân diệc xuất yên 。 long bội sân khuể 。

Trưởng lão Toa-Già-Đà liền vào đại định, dùng thần thông làm cho thân cũng bốc khói; Ác long cơn giận tăng gấp đôi.

身上出火。莎伽陀復入火光三昧。身亦出火。

thân thượng xuất hỏa 。 toa già đà phục nhập hỏa quang tam muội 。 thân diệc xuất hỏa 。

Phần thân trên của ác long phát ra lửa. Toa-Già-Đà vào hỏa quang đại định thân cũng phát ra lửa.

龍復雨雹。莎伽陀即變雨雹。

long phục vũ bạc 。 toa già đà tức biến vũ bạc 。

ác long tạo thành mưa đá, ngài toa-Già-Đà cũng tạo thành mưa đá.

作釋俱餅髓餅波波羅餅。龍復放霹靂。

tác thích câu bính tử bính Ba-ba-la bính 。 long phục phóng phích lịch 。

lại còn tạo ra các vật tròn dẹp như bánh Ba-la-la(dùng che chắn). Ác long lại phóng ra sét đánh thìn linh

莎伽陀變作種種歡喜丸餅。龍復雨弓箭刀稍。

toa già đà biến tác chủng chủng hoan hỷ hoàn bính 。 long phục vũ cung tiến đao sáo 。

ngài Toa-Già-Đà liền biến ra rất nhiều viên tròn hoan hỷ. Ác long lại tạo thành mưa tên, đao, giáo.

莎伽陀即變作優鉢羅花波頭摩花拘牟陀花。

toa già đà tức biến tác Ưu bát la hoa ba-đầu-ma hoa Câu mưu đà hoa 。

ngài Toa-Già-Đà liền biến ra các loại hoa như: Ưu-Bát-la. Ba-Đầu-Ma và Câu-Mưu-Đà.

時龍復雨毒蛇蜈蚣土虺蚰蜒。

thời long phục vũ độc xà ngô công độ hủy du diên 。

Lúc bấy giờ ác long lại tạo thành mưa rắn độc, rít độc, rắn hổ mang đất và sâu bọ.

莎伽陀即變作優鉢羅花瓔珞瞻蔔花瓔珞婆師花瓔珞阿提目多加花瓔珞。

toa già đà tức biến tác Ưu bát la hoa anh lạc Chiêm bạch hoa anh lạc Bà sư hoa anh lạc A đề mục đa già hoa anh lạc 。

ngài Toa-Già-Đà liền biến ra hoa Ưu-Bát-La, hoa Anh-Lạc-Chiêm-Bạch, hoa Anh-Lạc-Bà-Sư, hoa Anh-Lạc-A-Đề-Mục-Đa-Già...

如是等龍所有勢力。盡現向莎伽陀。

như thị đẳng long sở hữu thế lực 。

Như thế ác long đã đem hết sức mạnh của mình tấn công ngài Toa-Già-Đà.

如是現德已。不能勝故。即失威力光明。長老莎伽陀。

như thị hiện đức dĩ 。

với oai đức ngài Toa-Già-Đà, ác long không thể thắng, liền mất đi uy lực ánh sáng. Trưởng lão Toa-Già-Đà.

知龍力勢已盡不能復動。即變作細身。

tri long lực thế dĩ tận bất năng phục động 。

biết rằng ác long tận hết sức rồi, không thể mạnh động gì được nữa! Ngài liền biến thân ra rất nhỏ.

從龍兩耳入。從兩眼出。兩眼出已從鼻入。

tùng long lưỡng nhĩ nhập 。

bay vào trong lỗ tai của ác long; lại bay ra từ hai mắt của nó; rồi lại bay vào từ lỗ mũi của ác long!

從口中出在龍頭上。往來經行不傷龍身。

tùng khẩu trung xuất tại long đầu thượng 。 vãng lai kinh hành bất thương long thân 。

ngài lại từ miệng nó bay ra, đáp lên đỉnh đầu của ác long mà đi kinh hành tới lui, nhưng không làm tổn thương đến thân thể của ác long.

爾時龍見如是事。心即大驚怖畏毛豎。

nhĩ thời long kiến như thị sự 。

Bấy giờ ác long đã chứng kiến những việc đã xảy ra, tâm nó quá sợ hãi, lông trong thân đều dựng đứng lên cả!

合掌向長老莎伽陀言。我歸依汝。莎伽陀答言。汝莫歸依我。

hợp chưởng hướng Trưởng-lão toa già đà ngôn 。

Ác long liền chấp tay hướng đến trưởng lão Toa-Già-Đà mà thưa rằng: Con xin quay về nương tựa với ngài! Người không cần nương tựa ta!

當歸依我師歸依佛。龍言。我從今歸三寶。

đương quy y ngã sư quy y Phật 。

mà người nên quay về nương tựa Thầy của ta, chính là nương tựa Phật. Ác long nói. Con từ nay xin quay về nương tựa nơi Tam-Bảo.

知我盡形作佛優婆塞。是龍受三自歸。

tri ngã tận hình tác Phật ưu-bà-tắc 。

Xin chứng minh cho con trọn đời nguyện làm đệ tử Phật; Ưu-Bà-Tắc. Như thế ác long đã tự phát tâm thọ Tam quy(Phật, Pháp,Tăng)

作佛弟子已。便不復作如先兇惡事。

tác Phật đệ tử dĩ 。 tiên bất phục tác như tiên hung ác sự 。

Khi là đệ tử Phật rồi thì không còn làm các việc ác như trước kia!

諸人及鳥獸皆得到所。秋穀熟時不復傷破。

chư nhân cập điểu thú giai đắc đáo sở 。

người dân, chim, thú đều có thể đến ấp Bạt-Bà-La-Bà-Đề; sản vật đến mùa thu hoạch không còn bị phá hoại.

如是名聲流布諸國。長老莎伽陀。能降惡龍折伏令善。

như thị danh thanh lưu bố chư quốc 。

Qua việc này thanh danh của trưởng lão Toa-Già-Đà lang rộng khắp các nước, người đã hàng phục ác long khiến cho nó biết tu thiện.

諸人及鳥獸得到龍宮。秋穀熟時不復破傷。

chư nhân cập điểu thú đắc đáo long cung 。

người dân, chim, thú có thể đến chỗ ở của con rồng, sản vật mùa thu hoặc không còn bị tổn hại.

因長老伽莎陀名聲流布。諸人皆作食傳請之。

nhân Trưởng-lão già bà đề danh thanh lưu bố 。

do đó thanh danh của trưởng lão Toa-Già-Đà vang khắp nơi; dân chúng nhiều nơi nấu thức ăn mời thỉnh ngài tới.

是中有一貧女人。信敬請長老莎伽陀。

thị trung hữu nhất bần nữ nhân 。

Trong đó có một phụ nữ nghèo, nhưng rất thành kính cung thỉnh trưởng lão Toa-Già-Đà.

莎伽陀默然受已。是女人為辦名酥乳糜。

toa già đà mặc nhiên thọ dĩ 。 thị nữ nhân vi biện danh tô nhũ mi 。

ngài Toa-Già-Đà im lặng mà nhận thức ăn cúng dường; người phụ nữ này tên là Tô-Nhũ-Mi.

受而食之。女人思惟。是沙門噉是名酥乳糜。

thọ nhi thực chi 。 nữ nhân tư tánh 。 thị Sa Môn đạm thị danh tô nhũ mi 。

sau khi ngài Toa-Già-Đà đã dùng bữa xong, người phụ nữ suy nghĩ: Vị sa-môn này đã dùng thức ăn của Tô-Nhũ-Mi.

或當冷發便取似水色酒。持與是莎伽陀。不看飲。

hoặc đương lãnh phát tiện thủ tự thủy sắc tửu 。 trì dĩ thị toa già đà 。 bất khán ẩm 。

Khi ấy có gió lạnh thổi đến liền tiện tay rót rượu, mang dâng cho ngài Toa-Già-Đà, ngài không xét đoán mà uống!

飲已為說法便去。過向寺中。

ẩm dĩ vi thuyết Pháp tiện khứ 。 quá hương tự trung 。

Uống xong, thuyết pháp cho vị thí chủ rồi ngài rời đi, hướng về tịnh-xá mà đi

爾時間酒勢便發。近寺門邊倒地。

nhĩ thời gian tửu thế tiện phát 。 cận tự môn biên đảo địa 。

Một lúc sau, rượu liền phát tác, khi đến gần cổng tịnh-xá liền ngã ra đất ở một bên đường.

僧伽梨衣等澆水囊鉢杖油囊革屣鍼筒各在一處。

tăng già lê y đẳng lộc thủy nang bát trượng du nang cách tử châm đồng các tại nhất xứ 。

Y-tăng-già-lê, đài lọc nước, bình bát, ống kim...tất cả ở mỗi chỗ.

身在一處醉無所覺爾時佛與阿難遊行到是處。佛見是比丘。

thân tại nhất xứ túy vô sở giác nhĩ thời Phật dữ A-nan du hành đáo thị xứ 。 Phật kiến thị Tỳ-kheo 。

thân ngài nằm một nơi, say không còn biết gì! Lúc bấy giờ đức Phật cùng A-Nan đi ngang qua nơi đó. Phật thấy vị tỳ-kheo đang nằm đó.

知而故問阿難此是何人。答言。世尊。

tri nhi cố vấn A-nan thử thị hà nhân 。

Dù là đức Phật đã biết, nhưng đức Phật vẫn hỏi ngài A-Nan: Đây là vị nào? Ngài A-Nan thưa rằng: Bạch Thế-Tôn.

此是長老莎伽陀。佛即語阿難。

thử thị Trưởng-lão toa già đà 。

đây chính là trưởng lão Toa-Già-Đà. Phật liền nói với ngài A-Nan.

是處為我敷座床辦水集僧。阿難受教。即敷座床辦水集僧已。

thị xứ vi ngã phu tọa sàng biện thủy tập tăng 。

Hãy đến chỗ Ta ngồi; chuẩn bị nước uống và triệu tập tăng chúng. Ngài A-Nan nhận lời, liền đi đến chỗ Phật ngồi, bày nước uống và triệu tập tăng chúng đến xong.

往白佛言。世尊。我已敷床辦水集僧。佛自知時。

vãng bạch Phật ngôn 。

Ngài A-nan trở lại thưa với Phật: Bạch Thế-Tôn, con đã trải tòa, chuẩn bị nước uống cùng triệu tập tăng chúng đến xong rồi. Phật biết đã đúng thời.

佛即洗足坐。問諸比丘。

Phật tức tẩy túc tọa 。 vấn chư Tỳ-kheo 。

Đức Phật rửa chân ngồi, rồi hỏi chư Tỳ-kheo

曾見聞有龍名菴婆羅提陀。兇暴惡害。先無有人到其住處。

tăng kiến văn hữu long danh Am-bà-la Đề đà 。 hung bạo ác hại 。 tiên vô hữu nhân đáo kỳ trụ xứ 。

Các vị đã từng nghe thấy chuyện con rồng Am-Bà-La-Đề-Đà rất hung dữ ác hại, trước kia không một ai dám đến gần nơi nó ở.

象馬牛羊驢騾驢駝。無能到者。

tượng mã ngưu dương lư loa thác Đà 。 vô năng đáo giả 。

Kề cả voi, ngựa, trâu, dê, lừa, lạc-đà đều không dám đến nơi đó.

乃至諸鳥無敢過上。秋穀熟時破滅諸穀。善男子莎伽陀。

nãi chí chư điểu vô cảm quá thượng 。 thu cốc thực thời phá diệt chư cốc 。 Thiện nam tử toa già đà 。

cho đến cả loài chim cũng không dám bay ngang qua phía trên không, nông sản đến mùa thu hoạch đều bị phá hủy. Thiện nam tử Toa-Già-Đà.

能折伏令善。今諸人及鳥獸。得到泉上。

năng chiết phục lệnh thiện 。 kim chư nhân cập điểu thú 。 đắc đáo tuyền thượng 。

có thể thu phục ác long khiến nó trở nên hiền thiện. Nay mọi người cùng chim thú đều có thể đến bên ngọn suối kia.

是時眾中。有見者言見世尊。聞者言聞世尊。

Thị thời chúng trung 。 hữu kiến giả ngôn kiến Thế Tôn 。 văn giả ngôn văn Thế Tôn 。

Lúc ấy trong chúng, có người nói rằng: Nếu ai thấy người kia(Toa-Già-Đà) như thấy Phật, nếu nghe vị kia nói cũng như nghe Phật dạy.

佛語比丘。於汝意云何。此善男子莎伽陀。

Phật ngữ Tỳ-kheo 。 ư nhữ ý vân hà 。 thử Thiện nam tử toa già đà 。

Phật hỏi chư Tỳ-kheo! Ý các vị nghĩ sao? Bây giờ người thiện nam tử (đang nằm kia) cũng chính là Toa-Già-Đà.

今能折伏蝦蟇不。答言。不能世尊。佛言。

kim năng chiết phục hà mô bất 。 đáp ngôn 。 bất năng Thế Tôn 。 Phật ngôn 。

có khả năng bắt được con cóc không? Chư Tỳ-kheo đáp: Bạch Thế-Tôn không có khả năng! Phật dạy:

聖人飲酒尚如是失。何況俗凡夫如是過罪。

Thánh nhân ẩm tửu thượng như thị thất 。 hà huống tục phàm phu như thị quá tội 。

Dù là Thánh nhân mà khi uống rượu cũng bị say làm! hà huống là hạng phàm phu tội quá nặng!

若過是罪皆由飲酒故。從今日若言我是佛弟子者。

nhược quá thị tội giai do ẩm tửu cố 。 tùng kim nhật nhược ngôn ngã thị Phật đệ tử giả 。

Tội nặng này là do uống rượu mà có; nên kể từ hôm nay trở về sau, nếu ai đã phát nguyện làm đệ tử Phật.

不得飲酒。乃至小草頭一滴。亦不得飲。

bất đắc ẩm tửu 。 nãi chí tiểu thảo đầu nhất tích 。 diệc bất đắc ẩm 。

thì không được uống rượu. Cho đến một giọt nhỏ trên đầu ngọn cỏ, cũng không được uống.

佛種種呵責飲酒過失已。告諸比丘優婆塞。不得飲酒者。

Phật chủng chủng ha trách ẩm tửu quá thất dĩ 。 cáo chư Tỳ-kheo ưu-bà-tắc 。 bất đắc ẩm tửu giả 。

Phật đã quở trách rất nhiều về những điều tệ hại của việc uống rượu. Phật bảo chư Tỳ-kheo cùng với Ưu-Bà-Tắc là không được uống rượu!

有二種。穀酒木酒。木酒者。或用根莖葉花果。

hữu nhị chủng 。 cốc tửu mộc tửu 。 mộc tửu giả 。 hoặc dụng căn hành diệp hoa quả 。

Rượu có hai loại: Rượu gạo và rượu thảo mộc; là dùng thân cây, lá hoa và quả.

用種種子諸藥草。雜作酒。酒色酒香酒味。

dụng chủng chủng tử chư dược thảo 。 tạp tác tửu 。 tửu sắc tửu hương tửu vị 。

là dùng các loại từ cây cỏ, để chế thành ra rượu, gồm màu rượu, mùi rượu, vị của rượu.

飲能醉人。是名為酒。若優婆塞嘗咽者。

ẩm năng túy nhân 。 thị danh vi tửu 。 nhược ưu-bà-tắc thường yết giả 。

Khi uống vào làm người say, thì gọi là rượu. Nếu có Ưu-Bà-tắc thường đau cổ họng.

亦名為飲犯罪若飲穀酒。咽咽犯罪。若飲酢酒。

diệc danh vi ẩm phạm tội nhược ẩm cốc tửu 。 yết yết phạm tội 。 nhược ẩm tạp tửu 。

vì bệnh này phải cần uống rượu trái cây, mà nếu uống rượu gạo, thì mỗi ngụm đều phạm tội. Nếu uống rượu do khách mời.

隨咽咽犯。若飲甜酒。隨咽咽犯。若嗽麩能醉者。

tùy yết yết phạm 。 nhược ẩm diềm tửu 。 tùy yết yết phạm 。 nhược đạm khúc năng túy giả 。

mỗi nuốt mỗi phạm. Nếu uống rượu ngọt, mỗi nuốt đều phạm. Nếu ăn men rượu làm say người.

隨咽咽犯。若噉酒糟。隨咽咽犯。若飲酒澱。

tùy yết yết phạm 。 nhược đậm tửu tao 。 tùy yết yết phạm 。 nhược ẩm tửu điển 。

thì mỗi nuốt mỗi phạm. Nếu ăn bã rượu, mỗi nuốt mỗi phạm. Nếu uống rượu cặn.

隨咽咽犯。若飲似酒色酒香酒味。

tùy yết yết phạm 。 nhược ẩm tự tửu sắc tửu hương tửu vị 。

mỗi ngậm đều phạm. Nếu uống thứ giống như màu rượu, mùi rượu hay có vị của rượu.

能令人醉者。隨咽咽犯。若但作酒色。無酒香無酒味。

năng lệnh nhân túy giả 。 tùy yết yết phạm 。 nhược dẫn tác tửu sắc 。 vô tửu hương vô tửu vị 。

có thể làm người say, thì mỗi ngậm đều phạm. Nếu như làm mất màu rượu, mất mùi rượu, không còn vị của rượu.

不能醉人及餘飲。皆不犯。

bất năng túy nhân cập dư ẩm 。 giai bất phạm 。

không làm người say cùng các thứ uống khác đều không phạm tội.(không thể hối-cải)

佛說優婆塞五戒相經一卷

Phật thuyết ưu-bà-tắc ngũ giới tướng Kinh nhất quyển

Phật nói Kinh Năm Giới Tướng của Ưu-Bà-Tắc(cư-sĩ tại-gia), một quyển.

(Toronto, Canada tháng Tư 2018 Quảng-Lượng, Lý-Hồng-Nhật chuyển ngữ sang Việt-văn.)

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiến Khanh & Nguyễn Hiến Trần Tiến Huyền

Phi